**CHUYÊN ĐỀ 1: RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**I. Phong cách chức năng ngôn ngữ:**

**1. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:** Sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày, mang tính tự nhiên, thoải mái và sinh động, ít trau chuốt…Trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm trong giao tiếp với tư cách cá nhân

- Gồm các dạng chuyện trò/ nhật kí/ thư từ…

**2. Phong cách ngôn ngữ khoa học:** Dùng trong những văn bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học, đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu

**3. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật**:

Dùng chủ yếu trong tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ của con người; từ ngữ trau chuốt, tinh luyện…

**4. Phong cách ngôn ngữ chính luận:** Dùng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, ; người giao tiếp thường bày tỏ chính kiến, bộc lộ công khai quan điểm tư tưởng, tình cảm của mình với những vấn đề thời sự nóng hổi của xã hội

**5. Phong cách ngôn ngữ hành chính**: Dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực giao tiếp điều hành và quản lí xã hội ( giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, Nhân dân với các cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan…)

**6. Phong cách ngôn ngữ báo chí**: Kiểu diễn đạt dùng trong các loại văn bản thuộc lĩnh vực truyền thông của xã hội về tất cả các vấn đề thời sự (thông tấn = thu thập và biên tập tin tức để cung cấp cho các nơi)

**II. Phương thức biểu đạt:**

**1. Tự sự (kể chuyện, tường thuật):**

- Khái niệm: Tự sự là kể lại, thuật lại sự việc, là phương thức trình bày 1 chuỗi các sự việc, sự việc này đẫn đến sự việc kia, cuối cùng kết thúc thể hiện 1 ý nghĩa.

- Đặc trưng:

+ Có cốt truyện.

+ Có nhân vật tự sự, sự việc.

+ Rõ tư tưởng, chủ đề.

+ Có ngôi kể thích hợp.

 **2. Miêu tả.**

 - Miêu tả là làm cho người đọc, người nghe, người xem có thể thấy sự vật, hiện tượng, con người (Đặc biệt là thế giới nội tâm) như đang hiện ra trước mắt qua ngôn ngữ miêu tả.

 **3. Biểu cảm**: Là bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.

**4. Nghị luận:** Là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải, trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết.

 **5. Thuyết minh**: Được sử dụng khi cần cung cấp, giới thiệu, giảng giải những tri thức về 1 sự vật, hiện tượng nào đó cho người đọc, người nghe.

 **III. Phương thức trần thuật:**

- Trần thuật từ ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể chuyện (Lời trực tiếp)

- Trần thuật từ ngôi thứ 3 của người kể chuyện tự giấu mình.

 - Trần thuật từ ngôi thứ 3 của người kể chuyện tự giấu minh, nhưng điểm nhìn và lời kể lại theo giọnh điệu của nhân vật trong tác phẩm (Lời nửa trực tiếp)

 **IV. Nhận diện những biện pháp nghệ thuật trong văn bản và tác dụng của những biện** pháp nghệ thuật đó với việc thể hiện nội dung văn bản. Giáo viên cần giúp HS ôn lại kiến thức về các biện pháp tu từ từ vựng và các biện pháp nghệ thuật khác:

|  |  |
| --- | --- |
| **Biện pháp tu từ** | **Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật)** |
| **So sánh** |  Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc |
| **Ẩn dụ** | Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc. |
| **Nhân hóa** |  Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn hơn.  |
| **Hoán dụ** | Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc |
| **Điệp từ/ngữ/cấu trúc** | Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cẳm |
| **Nói giảm** | Làm giảm nhẹ đi ý đau thương, mất mát nhằm thể hiện sự trân trọng |
| **Thậm xưng (phóng đại)** | Tô đậm ấn tượng về… |
| **Câu hỏi tu từ** | Bộc lộ cảm xúc  |
| **Đảo ngữ** | Nhấn mạnh, gây ấn tượng về |
| **Đối** | Tạo sự cân đối |
| **Im lặng (…)** | Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc |
| **Liệt kê** | Diễn tả cụ thể, toàn điện  |
| **Câu hỏi tu từ** |  |

Có kĩ năng nhận diện các biện pháp tu từ được sử dụng trong 1 văn bản thơ hoặc văn xuôi và phân tích tốt giá trị của việc sử dụng phép tu từ ấy

trong văn banr.

**V. Nhận diện các thao tác lập luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Các thao tác lập luận** | **Nhận diện** |
| 1 | ***Giải thích*** | Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình. |
| 2 | ***Phân tích*** | Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kĩ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong của đối tượng. |
| 3 | ***Chứng minh*** |  Chứng minh là đưa ra những cứ liệu - dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề. ( Đưa lí lẽ trước - Chọn dẫn chứng và đưa dẫn chứng. Cần thiết phải phân tích dẫn chứng để lập luận CM thuyết phục hơn. Đôi khi thuyết minh trước rồi trích dẫn chứng sau.) |
| 4 | ***Bác bỏ*** |  Bác bỏ là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình. |
| 5 | ***Bình luận*** |  Bình luận là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng… đúng hay sai, hay / dở; tốt / xấu, lợi / hại…; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng. |
| 6 | ***So sánh*** | So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm.Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản. |

**VI. Các hình thức lập luận của đọan văn:**

- Diễn dịch;

- Song hành;

- Qui nạp…

- Tổng – phân hợp

- Tam đoạn luận

**VII. Các thể thơ**: Đặc trưng của các thể loại thơ:

- Lục bát;

- Song thất lục bát;

- Thất ngôn; Thơ tự do;

- Thơ ngũ ngôn, Thơ 8 chữ…

**CHUYÊN ĐỀ 2: RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LÀM VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

1. **DẠNG BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÍ**
2. **Nội dung**

- ***Vấn đề nhận thức***: lí tưởng, mục đích sống, nghề nghiệp, ước mơ…

***- Vấn đề về đạo đức, tâm hồn, tính cách:*** lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng; tính trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hòa nhã, khiêm tốn; thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi…

***- Vấn đề về các quan hệ gia đình:*** tình mẫu tử, tình phụ tử, tình anh em…

***- Vấn đề về các quan hệ xã hội:*** tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn…

- Vấn đề về cách ứng xử, đối nhân xử thế của con người trong cuộc sống.

1. **Hình thức**

**- Dạng ngắn:**Một câu ca dao, tục ngữ, danh ngôn, châm ngôn, câu thơ…

**- Dang dài:**Một bài thơ/truyện ngắn mang ý nghĩa triết lí…

1. **Cách làm bài**

**Mở bài:**

- Dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận

-  Nêu vấn đề cần nghị luận( trích dẫn)

**Thân bài:**

**\* Bước 1: Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận** (…).

Tùy theo yêu cầu đề bài có thể có những cách giải thích khác nhau:

- Giải thích khái niệm, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.

  Giải thích nghĩa đen của từ ngữ, rồi suy luận ra nghĩa bóng, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.

- Giải thích mệnh đề, hình ảnh trong câu nói, trên cơ sở đó xác định nội dung, ý nghĩa của vấn đề mà câu nói đề cập.

***\* Lưu ý: Tránh sa vào cắt nghĩa từ ngữ ( theo nghĩa từ vựng).***

**\* Bước 2:  Phân tích và chứng minh những mặt đúng của tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (…)**

Bản chất của thao tác này là giảng giải nghĩa lí của vấn đề được đặt ra để làm sáng tỏ tới cùng bản chất của vấn đề. Phần này thực chất là trả lời câu hỏi: Tại sao? (Vì sao?)Vấn đề được biểu hiện như thế nào? Có thể lấy những dẫn chứng nào làm sáng tỏ?

**\* Bước 3: Bình luận, đánh giá (bàn bạc, mở rộng, đề xuất ý kiến…):**

- Đánh giá vấn đề: Nêu ý nghĩa của vấn đề,  mức độ đúng – sai, đóng góp – hạn chế của vấn đề.

- Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề đang bàn luận (…)

**- Mở rộng vấn đề**

**\* Bước 4: Rút bài học nhận thức và hành động**

- Từ sự đánh giá trên, rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc sống cũng như trong học tập, trong nhận thức cũng như trong tư tưởng, tình cảm, …( Thực chất trả lời câu hỏi: từ vấn đề bàn luận, hiểu ra điều gì? Nhận ra vấn đề gì có ý nghĩa đối với tâm hồn, lối sống bản thân?...)

- Bài học hành động - Đề xuất phương châm đúng đắn, phương hướng hành động cụ thể

( Thực chất trả lời câu hỏi: Phải làm gì? …)

**Kết bài:**

- Khẳng định chung về tư tưởng, đạo lí đã bàn luận ở thân bài (…)

- Lời nhắn gửi đến mọi người (…)

**\* LUYỆN TẬP**

**Đề**

Viết một bài văn ngắn (không quá 200 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu ngạn ngữ Hi Lạp:

*“Cái rễ của học hành thì cay đắng nhưng quả của nó thì ngọt ngào”.*

**DÀN Ý THAM KHẢO**

**1. Giải thích:**

- Học hành là quá trình học và thực hành để mở mang kiến thức, nâng cao trình độ hiểu biết của mỗi người.

- rễ đắng và  quả ngọt là hình ảnh ẩn dụ chỉ công lao học hành và kết quả học tập.

 Câu ngạn ngữ thể hiện nhận thức sâu sắc về qui luật của học vấn và vai trò quan trọng của việc học hành đối với mỗi người.

**2. Phân tích - Chứng minh.**

***Ý 1: Học hành có những chùm rễ đắng cay***

- Việc học đòi hỏi tốn thời gian, công sức, trải qua cả một quá trình.

- Quá trình học tập có  những khó khăn, vất vả, gian nan: chiếm lĩnh tri thức, luyện tập, thực hành…Để có thể giỏi giang, thành công đòi hỏi phải từng bước chinh phục những bậc thang học vấn.

- Quá trình học tập có khi phải trải qua những thất bại, phải nếm vị cay đắng: điểm kém, bị quở mắng, thi hỏng….

**Ý 2:  Vị ngọt của quả tri thức hái được từ việc học hành**

- Vị ngọt của kết quả học tập trước hết là người học được nâng cao hiểu biết của bản thân, giàu có hơn về tri thức và tâm hồn, tự tin hơn trong cuộc sống.

-  Thành quả học tập mang lại niềm vui, niềm tự hào cho bản thân và gia đình. thầy cô giáo, nhà trường, quê hương…

- Thành công trong học tập cũng chắp cánh cho những ước mơ, khát vọng mới trên con đường lập nghiệp.

- Phải biết chấp nhận đắng cay trong giai đoạn đầu để sau đó hưởng thành quả tốt đẹp lâu dài.

**\* Dẫn chứng:**

           + Ê-đi-xơn phải trải qua hàng nghìn thí nghiệm, phải tìm tòi không ngừng để phát minh ra bóng đền điện.

           + Măc-xim Gorki phải kiếm sống đủ thứ nghề vất vả nhưng không nguôi khát vọng học tập. Bằng con đường tự học đầy gian truân, say mê đọc sách tiếp cận ánh sáng văn minh nhân loại và trở thành nhà văn vĩ đại của nhân loại. ( Bút danh: Gor-ki có nghĩa là cay đắng)

          + Mạc Đĩnh Chi bắt đom đóm cho vào vỏ trứng để lấy ánh sáng đọc sách, sau đỗ trạng nguyên

 **3.Đánh giá – mở rộng**

- Câu nói bao hàm một nhận thức đúng đắn, một lời khuyên tích cực: nhận thức được quá trình chiếm lĩnh tri thức, mỗi người cần có bản lĩnh, chủ động vượt qua khó khăn để thu nhận được thành quả tốt đẹp trong học tập.

- Trong thực tế, nhiều người lười biếng không chịu khó học hỏi, trau dồi kiến thức, không biết biến nhựa đắng thành quả ngọt dâng cho đời; hay có những người ỷ lại người khác, không nỗ lực, dẫn đến những hành động gian lận, không trung thực trong học tập

- Kết quả học tập nếu không từ công sức bản thân sẽ không bền, sẽ có lúc phải trả giá, sẽ trở thaành kẻ kém cõi trong cái nhìn của mọi người.

**4.** **Bài học:**

**\* Nhận thức:** xem câu ngạn ngữ là phương châm nhắc nhở, động viên bản thân trong quá trình học tập.

**\* Hành động:** rèn ý thức vươn lên trong học tập, không đầu hàng gian nan thử thách, luôn hướng tới những ước mơ, khát vọng hái quả ngọt từ học vấn để thành công.

**B. DẠNG BÀI VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**1. Hướng dẫn làm bài:**

**Bước 1: Tìm hiểu đề**

Xác định ba yêu cầu:

+ Yêu cầu về nội dung: Hiện tượng cần bàn luận là hiện tượng nào (hiện tượng tốt đẹp, tích cực trong đời sống hay hiện tượng mang tính chất tiêu cực, đang bị xã hội lên án, phê phán.) ? Có bao nhiêu ý cần triển khai trong bài viết ?Mối quan hệ giữa các ý như thế nào?

+  Yêu cầu về phương pháp : Các thao tác nghị luận chính cần sử dụng ? (giải thích, chứng minh, bình luận…)

+ Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong văn học, trong đời sống thực tiễn (chủ yếu là đời sống thực tiễn).

**Bước 2: Lập dàn ý**

a. *Mở bài:*

Dẫn dắt vấn đề

Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị  luận

*b. Thân bài:*

- Khái niệm và bản chất của hiện tượng (giải thích); mô tả được hiện tượng.

-  Nêu thực trạng và nguyên nhân *(khách quan – chủ quan )* của hiện tượng bằng các thao tác phân tích, chứng minh

 - Nêu tác dụng – ý nghĩa (*nếu là hiện tượng tích cực*; tác hại- hậu quả (*nếu là hiện tượng tiêu cực*)

 - Giải pháp phát huy (*nếu là hiện tượng tích cực*); biện pháp khắc phục (*nếu hiện tượng tiêu cực*)

*c. Kết bài*

- Bày tỏ ý kiến của bản thân về hiện tượng xã hội vừa nghị luận

- Rút ra bài học về nhận thức, hành động cho bản thân

**2. Hướng dẫn luyện tập làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống**

**Đề 1:**

Viết bài văn ngắn khoảng 600 từ trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng sau:

  *"Mới đây, dư luận lại xôn xao về một cô thiếu nữ có "khuôn mặt ưa nhìn" đã phô ra trên Facebook cả một loạt ảnh ngồi ghếch chân trên bia mộ liệt sĩ..."*

                (Theo *Nỗi sợ hãi không muốn "học làm người" -*Mục *Góc nhìn của nhà thơ Trần Đăng Khoa-*Tuổi trẻ và đời sống, số 152 ngày 14/1/2013)

**Phân tích đề**

- Yêu cầu về nội dung: Bàn về hiện tượng một thiếu nữ...cho cả thế giới "chiêm ngưỡng" -> Hiện tượng thể hiện hành vi phản cảm, thiếu văn hóa, đi ngược lại truyền thống đạo lí "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc,...

- Yêu cầu về thao tác lập luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận.

- Yêu cầu về phạm vi tư liệu: đời sống xã hội.

**Lập dàn ý**

*a. Mở bài:*

Giới thiệu hiện tượng cần bàn.

*b. Thân bài*:

**\* Nêu bản chất của hiện tượng - giải thích hiện tượng**

 - Hiện tượng thể hiện hành vi phản cảm, thiếu văn hóa, đi ngược lại truyền thống đạo lí "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc,...

**\* Bàn luận thực trạng, nguyên nhân của hiện tượng bằng các thao tác phân tích, chứng minh**

- Thực trạng: Hiện nay tình trạng một bộ phận thanh, thiếu niên có suy nghĩ và hành động lệch lạc, có hành vi phản cảm, thiếu văn hóa, đi ngược lại truyền thống đạo lí… không ít (dẫn chứng cụ thể từ đời sống, lấy thông tin trên các phương tiện truyền thông).

- Nguyên nhân:

+ Khách quan: thiếu vắng mối quan tâm, sự giáo dục của gia đình và nhà trường. Những ảnh hưởng của phim ảnh, intrernet, sự tràn lan của lối sống cá nhân thích làm nổi, thích gây sốc để nhiều người biết đến,...

+ Chủ quan: Nhiều thanh thiếu niên tuy được sinh ra và lớn lên ở môi trường giáo dục tốt nhưng lại có suy nghĩ và hành động lệch lạc, bởi họ không có ý thức hoàn thiện mình cũng như tự bồi đắp tâm hồn mình bằng những cách cư xử có văn hóa.

**\* Hậu quả của hiện tượng:**

+ Gây xôn xao, bất bình trong dư luận, làm tổn thương, xúc phạm đến những giá trị đạo đức, đi ngược lại truyền thống đạo lí tốt đẹp "Uống nước nhớ nguồn"..., tác động không tốt đến giới trẻ

+ Bản thân người trong cuộc phải gánh chịu những lên án, bất bình của dư luận xã hội...

**\* Giải pháp khắc phục:**

+ Nâng cao nhận thức ở giới trẻ: nhà trường và đoàn thanh niên cần thường xuyên tổ chức các diễn đàn để tuyên truyền, giáo dục thanh niên về lối sống đẹp và giữ gìn truyền thống "Uống nước nhớ nguồn".

+ Những hình ảnh phản cảm trên cần được dư luận phê phán quyết liệt, gia đình và nhà trường phải nghiêm khác, nhắc nhở,...

*(Lưu ý cần đưa dẫn chứng thực tế để chứng minh)*

*c.  Kết bài:*

Bày tỏ ý kiến riêng về hiện tượng xã hội vừa nghị luận.

- Thấy rõ sự cần thiết phải tích cực trau dồi nhân cách, bồi đắp nững giá trị đạo đức, văn hóa, đặc biệt là đạo lí "Uống nước nhớ nguồn".

- Kiên quyết lên án và ngăn chặn những biểu hiện của lối sống vô cảm, thiếu văn hóa để xã hội lành mạnh, tiến bộ hơn.

**C. CÁCH VIẾT MỘT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

(Khoảng 200 chữ - Dựa theo phần đọc – hiểu)

**I. Lí thuyết về đoạn văn:**

**1. Về nội dung:**

Đoạn văn là một phần của văn bản, nó diễn đạt ý hoàn chỉnh ở một mức độ nào đó logic ngữ nghĩa, có thể nắm bắt được một cách tương đối dễ dàng.Tuy nhiên, đoạn văn Nghị luận xã hội 200 chữ cần bám sát yêu cầu của đề và dựa trên nội dung/ thông điệp ở phần đọc hiểu.

**2. Về hình thức**

- Đoạn văn luôn luôn hoàn chỉnh. Sự hoàn chỉnh đó thể hiện ở những điểm sau:

+ Một đoạn văn được bắt đầu từ chữ cái viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng.

- Cấu trúc một đoạn văn:

+ Đoạn văn thường có từ ngữ chủ đề và câu chủ đề:

\*Từ ngữ chủ đề : là các từ ngữ được lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được biểu đạt.

\*Câu chủ đề: là câu nêu lên ý chính của toàn đoạn, mang nội dung khái quát, ý nghĩa ngắn gọn.Thường đứng ở đầu hoặc cuối đoạn văn.

+ Các câu trong đoạn:

\* Có nhiệm vụ triển khai và làm rõ chủ đề của đoạn

\* Trình bày theo các phép diễn dịch, quy nạp, song hành…

**II. Cách viết đoạn văn 200 chữ** (dung lượng khoảng 2/3 trang giấy)

1. **Mở đoạn:** (Từ 2-4 dòng)

Trực tiếp vào vấn đề cần nghị luận.

1. **Thân đoạn:** (Trọng tâm: 12-16 dòng)
* Vấn đề cần nghị luận là gì? (Thao tác giải thích)
* Vấn đề nghị luận – Đúng hay sai? – Vì sao? (Thao tác phân tích – dùng lí lẽ để thuyết phục)
* Biểu hiện của vấn đề đó trong thực tế cuộc sống như thế nào? (Thao tác chứng minh – dùng dẫn chứng để thuyết phục)
* Bàn luận vấn đề cần nghị luận (thao tác bình luận)

+ Lật lại vấn đề (phản đề)

+ Bổ sung, mở rộng thêm vấn đề.

+ Liên hệ đến các vấn đề liên quan.

1. **Kết đoạn:** Rút ra bài học: nhận thức và hành động (2-4 dòng)

**Ví dụ:**

Leo lên đỉnh núi không phải để cắm cờ mà là để vượt qua thách thức, tận hưởng bầu không khí và ngắm nhìn quang cảnh rộng lớn xung quanh.Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em.Hãy đến Paris để tận hưởng cảm giác đắm chìm trong Paris chứ không phải lướt qua đó để ghi Paris vào danh sách các địa điểm các em đã đi qua và tự hào mình là con người từng trải. Tập luyện những suy nghĩ độc lập, sáng tạo và táo bạo không phải để mang lại sự thỏa mãn cho bản thân mà là để đem lại lợi ích cho 6,8 tỷ người trên trái đất của chúng ta. Rồi các em sẽ phát hiện ra sự thật vĩ đại và thú vị mà những kinh nghiệm trong cuộc sống mang lại, đó là lòng vị tha mới chính là điều tốt đẹp nhất mà các em có thể làm cho bản thân mình. Niềm vui lớn nhất trong cuộc đời thực ra lại đến vào lúc các em nhận ra các em chẳng có gì đặc biệt cả.Bởi tất cả mọi người đều như thế. (Trích Bài phát biểu tại buổi lễ tốt nghiệp trường trung học Wellesley của thầy Hiệu trưởng David McCullough)
*Câu nghị luận xã hội cho là: Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “Leo lên đỉnh cao là để các em có thể nhìn ngắm thế giới chứ không phải để thế giới nhận ra các em.”***Mở đoạn**– Câu mở đoạn có thể dùng 1-3 câu để mở đoạn (giống như phần mở bài vậy).Phần này phải có cái nhìn tổng quát, khái quát được nội dung mà đề thi yêu cầu.Phải hiểu được đề thi bàn về vấn đề gì?
– Nên viết theo hướng: nêu nội dung khái quát rồi dẫn câu nói vào (hoặc không dẫn nguyên câu thì trích vào cụm từ khóa). Ví dụ theo đề trên ta có thể viết như sau:
➡ Ví dụ: Thành công luôn là khao khát của mỗi con người trên hành trình chinh phục những ước mơ và khát vọng – nhưng khi lên đến đỉnh của thành công, điều quan trọng nhất vẫn là để “ngắm nhìn thế giới” chứ không phải là để cho ai đó nhận ra mình.
**Thân đoạn**– Phải giải thích các cụm từ khóa, giải thích cả câu (cần ngắn gọn, đơn giản)
– Bàn luận:
+ Đặt ra các câu hỏi – vì sao – tại sao – sau đó bình luận, chứng minh từng ý lớn, ý nhỏ.
+ Đưa ra dẫn chứng phù hợp, ngắn gọn, chính xác (tuyệt đối không kể chuyện rông dài, tán gẫu, sáo rỗng)
+ Đưa ra phản đề – mở rộng vấn đề – đồng tình, không đồng tình.
+ Rút ra bài học nhận thức và hành động
**Kết đoạn**– Viết kết đoạn thường kết lại bằng một danh ngôn hay câu nói nổi tiếng (Nếu được vậy, bài làm sẽ được giám khảo chú ý hơn khi chấm điểm)

**Ví dụ**:

Đoạn văn bàn luận về Khoan dung

Có người đã nói rằng: Hòa bình là mục đích, khoan dung là phương pháp. Khoan dung không

đơn giản chỉ là bỏ qua những lỗi lầm sai sót của người khác. Khoan dung còn là cởi mở và sẵn sàng tiếp nhận vẻ đẹp của sự khác biệt. Khoan dung là tôn trọng lẫn nhau thông qua sự hiểu biết, thông cảm lẫn nhau. Người khoan dung sẽ ý thức được tính đặc thù và sự đa dạng của con người trong khi loại bỏ những dấu hiệu chia rẽ và tháo gỡ mọi căng thẳng do thiếu hiểu biết gây ra. Không ai sinh ra là đã hoàn hảo.Bởi vậy, trong cuộc sống, ta đôi khi bắt gặp những người mắc sai lầm với mình và mong muốn được sửa chữa những sai sót. Khoan dung còn là cách thể hiện sự cưu mang, giúp đỡ của bản thân với những người lầm đường lạc lối, giúp cho họ được trở về hòa nhập với cuộc sống hơn. Ta đã bắt gặp sự bao dung của Vũ Nương với Trương Sinh, người đã đẩy nàng vào cái chết oan nghiệt nhưng cuối cùng nàng vẫn tha thứ cho lỗi lầm của Trương Sinh, Nguyễn Trãi chấp nhận giảng hòa, khoan hồng cho giặc Minh tàn bạo để giữ gìn bình yên cho đất nước không khắc sâu hận thù giữa hai dân tộc. Tuy nhiên, lòng khoan dung không có nghĩa là bao che dung túng cho những việc làm cố tình gây tổn hại đến những chuẩn mực đạo đức của con người. Khoan dung với chính mình là tự làm cho bản thân cảm thấy nhẹ nhõm, thoải mái hơn để có thể đưa ra quyết định, mục tiêu đúng đắn hơn. Vì thế cần đề cao những ứng xử độ lượng, biết nhường nhịn thậm chí là hi sinh cho người khác, cao hơn nữa là tha thứ cảm thông.

**CHUYÊN ĐỀ 3: MỘT SỐ DẠNG ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**A. NGHỊ LUẬN VỀ ĐOẠN TRÍCH, TÁC PHẨM VĂN XUÔI**

***\*Các dạng đề:***

***1. Dạng 1 :  Nghị luận về một nhân vật, một hình tượng trong một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi***

**I. Mở bài**

- Dẫn dắt vấn đề

- Giới thiệu và nhận định chung về nhân vật, hình tượng cần phân tích (Không thể thiếu )

**II. Thân bài**

1. Khái quát về tác phẩm, tác phẩm, đoạn trích : Giới thiệu hoàn cảnh ra đời tác phẩm, xuất xứ tác phẩm, tóm tắt cốt truyện, nêu vị trí đoạn trích (nếu có).

2. Làm rõ nhân vật, hình tượng theo yêu cầu của đề bài:

a. Nếu phân tích một nhân vật, hình tượng : lần lượt làm rõ các biểu hiện tính cách, phẩm chất nhân vật (chú ý các sự kiện chính, các biến cố, tâm trạng, thái độ nhân vật...), đặc điểm của hình tượng ( nêu từng đặc điểm, đưa dẫn chứng tiêu biểu, phân tích dẫn chứng làm rõ các đặc điểm đã nêu)

 b. Nếu phân tích một nhóm nhân vật: lần lượt làm rõ đặc điểm chung và riêng của nhóm nhân vật hoặc phân tích từng nhân vật( nêu từng đặc điểm, đưa dẫn chứng tiêu biểu, phân tích dẫn chứng làm rõ các đặc điểm đã nêu).

3. Nhận xét về nghệ thuật xây dựng nhân vật, hình tượng

4. Giải quyết yêu cầu phụ (nếu có).

**III. Kết bài**

- Dùng từ chuyển đoạn thông báo sự kết thúc của việc trình bày vấn đề (tóm lại, nhìn chung…). Chú ý: Đề ra nghị luận vấn đề gì thì phải kết bài vấn đề đó.

- Đánh giá khái quát về những khía cạnh nổi bật nhất của nhân vật, hình tượng.

- Gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn (thường nêu ý nghĩa của hình tượng, nhân vật với đời sống, với văn học hay tác động đến tư tưởng, tình cảm của người đọc). Có thể nêu cảm nghĩ về tác giả, tác phẩm.

***2. Dạng 2: Nghị luận về giá trị nội dung tác phẩm, đoạn trích văn xuôi***

**I. Mở bài**

- Dẫn dắt vấn đề

- Giới thiệu luận đề cần giải quyết (cần bám sát đề bài để giới thiệu luận đề cho rõ ràng, chính xác. Luận đề cần dẫn lại nguyên văn yêu cầu của đề).

**II. Thân bài**

1. Khái quát về tác phẩm, đoạn trích: Giới thiệu hoàn cảnh ra đời tác phẩm, xuất xứ tác phẩm, tóm tắt cốt truyện, nêu vị trí đoạn trích (nếu có)

2. Làm rõ vấn đề theo yêu cầu của đề bài:

a. Nếu phân tích nội dung tác phẩm: lần lượt làm rõ nội dung cần phân tích (nêu từng nội dung, đưa dẫn chứng tiêu biểu, phân tích dẫn chứng làm rõ ý nghĩa của nội dung)

b. Nếu phân tích giá trị tác phẩm:

 - Nếu phân tích *giá trị nhân đạo* của tác phẩm

+ Giải thích khái niệm nhân đạo.

+ Phân tích các biểu hiện của giá trị nhân đạo.

+ Đánh giá về giá trị nhân đạo.

-Nếu phân tích *giá trị hiện thực* của tác phẩm

+ Giải thích khái niệm hiện thực

+ Phân tích các biểu hiện của giá trị hiện thực

+ Đánh giá về giá trị hiện thực

(nêu từng luận điểm, đưa dẫn chứng tiêu biểu, phân tích dẫn chứng làm rõ luận điểm đã nêu).

3. Nhận xét về nghệ thuật thể hiện về nội dung hay giá trị tác phẩm.

4. Giải quyết yêu cầu phụ (nếu có).

**III. Kết bài**

- Đánh giá khái quát về những khía cạnh nổi bật nhất nội dung hay giá trị tác phẩm.

- Gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn (thường nêu ý nghĩa nội dung, giá trị nội dung với đời sống, với văn học hay tác động đến tư tưởng, tình cảm của người đọc). Có thể nêu cảm nghĩ về tác giả, tác phẩm.

***3. Dạng 3 :  Nghị luận về giá trị nghệ thuật trong tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.***

**I. Mở bài**

- Dẫn dắt vấn đề

- Giới thiệu nhiệm vụ nghị luận.

**II. Thân bài**

1. Khái quát về tác phẩm,đoạn trích : Giới thiệu hoàn cảnh ra đời tác phẩm, xuất xứ tác phẩm, tóm tắt cốt truyện, nêu vị trí đoạn trích (nếu có).

2. Làm rõ vấn đề theo yêu cầu của đề bài

\* Nếu đề nghị luận là tình huống truyện

a.Tình huống truyện: Tình huống truyện giữ vai trò là hạt nhân của cấu trúc thể loại. Nó là cái hoàn cảnh riêng được tạo nên bởi một sự kiện đặc biệt, khiến tại đó cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất, ý đồ tư tưởng của tác giả cũng bộc lộ đậm nét nhất.

b. Phân tích các phương diện cụ thể của tình huống và ý nghĩa của tình huống đó.

+ Tình huống 1....ý nghĩa và tác dụng đối với tác phẩm.

+ Tình huống 2...ý nghĩa và tác dụng đối với tác phẩm.

(lần lượt làm rõ đặc điểm của từng tình huống bằng cách nêu từng tình huống, đưa dẫn chứng tiêu biểu, phân tích dẫn chứng làm rõ các tình huống đã nêu).

......

Bình luận về giá trị của tình huống.

**III. Kết bài**

1. **NGHỊ LUẬN VỀ ĐOẠN THƠ, TÁC PHẨM THƠ**

**\* *Các dạng đề***

1. Phân tích toàn bộ bài thơ.
2. Phân tích một đoạn thơ.
3. Phân tích một khía cạnh trong đoạn thơ, bài thơ.
4. Phân tích một hình ảnh, chi tiết trong bài thơ.
5. So sánh giữa hai bài thơ, hai đoạn thơ.

**\* Dàn ý chung**

**I. Mở bài**

 - Dẫn dắt vấn đề

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

**II. Thân bài**

 1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

- Khái quát về phong cách tác giả, hoàn cảnh sáng tác, nội dung chính, … của bài thơ

- Nêu vị trí đoạn thơ, thể thơ, chú ý  âm điệu, giọng điệu…

2. Triển khai các luận điểm trên phương diện nội dung và nghệ thuật.

- Có thể bổ ngang : phân tích từng khổ, từng dòng…

- Có thể bổ dọc bài thơ : Phân tích theo hình tượng, theo nội dung xuyên suốt bài thơ. Đưa các nội dung chính của bài thơ, đoạn thơ thành các luận điểm lớn, nếu đề yêu cầu cảm nhận đoạn thơ, câu thơ, thì chia nhỏ các nội dung có trong đoạn, trong câu, biến chúng thành các luận điểm lớn để đi sâu cảm nhận.

\* Chú ý những hình ảnh biểu tượng, những lối nói ví von so sánh, những biện pháp nghệ thuật tiêu biểu. Cần bám sát từ ngữ, âm thanh, vần, nhịp điệu, cấu tứ,… của bài thơ để phân tích .Khi phân tích thì thao tác giảng giải, cắt nghĩa là quan trọng nhất, nhằm giúp cho người đọc hiểu được ý nghĩa của các hình ảnh biểu tượng, ý nghĩa của từ ngữ, câu thơ, đoạn thơ.

\* Trong quá trình phân tích, luôn luôn hướng đến sự tổng hợp, khái quát ở từng cấp độ sao cho thích hợp để rồi tiến tới những khái quát lớn của toàn bài. Phân tích phải đi kèm với đánh giá và bình luận, tránh diễn nôm bài thơ. Mỗi đoạn văn nên viết theo cách diễn dịch hoặc quy nạp, nhớ trình bày rõ câu chốt, câu diễn giải, câu dẫn chứng, câu khái quát nội dung đoạn, câu chuyển đoạn linh hoạt.

3. Đánh giá vấn đề

**III. Kết bài**

- Khái quát luận đề

- Nêu cảm nghĩ, nhận xét về vấn đề, đóng góp của thi phẩm , tác giả đối với giai đoạn văn học và nền văn học.

- Gợi mở, liên tưởng … cho người đọc.

**C*.* DẠNG ĐỀ SO SÁNH *(2 đoạn thơ hoặc 2 đoạn văn xuôi ở hai tác phẩm khác nhau)***

**I. MỞ BÀI**

- Dẫn dắt (mở bài trực tiếp không cần bước này)
- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.
**II. THÂNBÀI**
 1. Làm rõ đối tượng thứ nhất (bước này vận dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận nhưng chủ yếu là thao tác lập luận phân tích)

a. Nếu là thơ: giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích… và tiến hành nghị luận về đoạn thơ thứ nhất (tập trung nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung)

b. Nếu là văn xuôi: giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích… và tiến hành nghị luận về đoạn trích văn xuôi thứ nhất ( tập trung nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung)

 2. Làm rõ đối tượng thứ 2 (bước này vận kết hợp nhiều thao tác lập luận nhưng chủ yếu là thao tác lập luận phân tích)

a. Nếu là thơ: giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích… và tiến hành nghị luận về đoạn thơ thứ hai (tập trung nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung)

b. Nếu là văn xuôi: giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích… và tiến hành nghị luận về đoạn trích văn xuôi thứ hai (tập trung nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung).

3. So sánh: nét tương đồng và khác biệt giữa hai đoạn thơ hoặc hai đoạn văn xuôi trên cả hai bình diện nội dung và hình thức nghệ thuật (bước này vận dụng kết hợp nhiều thao tác lập luận nhưng chủ yếu là thao tác lập luận phân tích và thao tác lập luận so sánh).

 4. Lý giải sự khác biệt: thực hiện thao tác này cần dựa vào các bình diện: bối cảnh xã hội, văn hóa mà từng đối tượng tồn tại; phong cách nhà văn; đặc trưng thi pháp của thời kì văn học…( bước này vận nhiều thao tác lập luận nhưng chủ yếu là thao tác lập luận phân tích).

**III. KẾT BÀI**

 - Khái quát những nét giống nhau và khác nhau tiêu biểu

 - Có thể nêu những cảm nghĩ của bản thân.

**D. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC**

**I. Mở bài**

- Dẫn dắt, nêu vấn đề, dẫn ý kiến

**II. Thân bài**

1. Vài nét tác giả, tác phẩm

2. Giải thích ý kiến:

- Nếu 1 ý kiến: giải thích từng vế (hoặc từ khóa) sau đó giải thích ý nghĩa của toàn bộ ý kiến.

- Nếu có 2 ý kiến: giải thích lần lượt từng ý kiến một.

3. Nghị luận

- xác lập luận điểm theo từng ý kiến (nếu đề có 2 ý kiến) hoặc xác lập luận điểm dựa trên từ khóa (đề có 1 ý kiến).

- Vận dụng nhiều thao tác lập luận đề làm sáng tỏ ý kiến: phân tích, bình luận, chúng minh, bác bỏ…

-Lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu để làm rõ ý kiến

4. Bình luận

- Khẳng định vấn đề đúng hay sai? Vì sao?

**III. Kết bài**

* Khái quát lại vấn đề
* Đánh giá vấn đề, mở rộng, liên hệ.

**Ví dụ minh họa**: Có ý kiến cho rằng ““Sóng” của Xuân Quỳnh mang vẻ đẹp của tình yêu truyền thống”. Nhưng có ý kiến khác lại cho rằng “tình yêu trong “Sóng” là tình yêu hiện đại”.Phân tích “Sóng”của Xuân Quỳnh đề chứng minh cho hai ý kiến trên.

**DÀN Ý**

**I. MỞ BÀI**

**II. THÂN BÀI**

**1. Khái quát:**

          Xuân Quỳnh là một trong số những nhà thơ nữ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên tươi tắn vừa chân thành đằm thắm và luôn da diết với khát vọng hạnh phúc đời thường. *“Sóng”* là bài thơ tình yêu đặc sắc của Xuân Quỳnh, in trong tập *“Hoa dọc chiến hào”.*

**2. Giải thích**

– *Tình yêu truyền thống* là tình yêu mang những cung bậc cảm xúc có tính truyền thống muôn đời. Đó là niềm tin mãnh liệt trong tình yêu, nỗi nhớ da diết cháy bỏng, sự thủy chung đằm thắm nhưng bên cạnh đó cũng không tránh khỏi những cảm xúc lo âu, khắc khoải.

– *Tình yêu hiện đại* là tình yêu vượt ra khỏi sự chật hẹp tù túng, đời thường để vươn tới tình yêu cao đẹp, nhân văn.

**3. Chứng minh**

**3.1. Ý kiến thứ nhất: “Sóng của Xuân Quỳnh là vẻ đẹp tình yêu truyền thống”. Vẻ đẹp ấy là những xúc cảm nồng nàn nhiều cung bậc trong tâm hồn của người phụ nữ khi yêu.**

+ Khi yêu, tâm hồn người phụ nữ đầy những phức tạp khó hiểu. Lúc *dữ dội, dịu êm*, khi *ồn ào, lặng lẽ* (2 câu đầu khổ 1)

+ Tình yêu gắn liền với khát vọng và những bồi hồi trong trái tim yêu

+ Tình yêu gắn liền với nỗi nhớ. Nỗi nhớ là một cung bậc trong tình cảm và cũng là gam màu chủ đạo của tình yêu.   Nỗi nhớ ấy xuyên suốt cả không gian, thời gian đến nỗi *“ngày đêm không ngủ được”*đến *“cả trong mơ còn thức”.*

+ Tình yêu gắn với sự thủy chung. Đây là nét đẹp nhân văn (Phân tích khổ 6)

+ Tình yêu gắn liền với niềm tin nhưng cũng đầy những dự cảm lo âu, khắc khoải (Phân tích khổ 7, 8)

**3.2. Ý kiến thứ hai : “ Sóng gắn liền với tình yêu hiện đại”**

+ Người phụ nữ không cam chịu cuộc đời chật hẹp, bé nhỏ tù túng mà muốn bứt phá ra những không gian rộng lớn để sống với tình yêu đích thực *“Sông không hiểu nổi mình/ Sóng tìm ra tận bể”*

+ Mạnh dạn bày tỏ tình cảm, mạnh mẽ quyết định hạnh phúc, thậm chí mang trong mình khát vọng lớn lao muốn bất tử hóa tình yêu (Phân tích khổ cuối)

**3.3. Nghệ thuật**

          Thể thơ ngũ ngôn, âm điệu nhịp nhàng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ: nhân hóa, ẩn dụ, điệp từ điệp ngữ.

**4. Bình luận**

          Cả hai ý kiến trên đều đúng.Tình yêu truyền thống và hiện đại ở đây không tách rời nhau mà hòa quyện vào nhau, tạo nên nhiều nét đẹp nhân văn trong tâm hồn người phụ nữ khi yêu. Chính hai ý kiến này đã góp phần làm sáng tỏ giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ Sóng.

**III. KẾT BÀI**

* **Đánh giá chung**

**CHUYÊN ĐỀ 3: THƠ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945-1975**

**TÂY TIẾN**

***Quang Dũng***

**A. Giới thiệu**

**I. Tác giả**

- Quang Dũng (1921 - 1988), tên khai sinh là Bùi Đình Diệm, quê ở làng Phượng Trì, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc...

- Hồn thơ Quang Dũng lãng mạn, tài hoa, phóng khoáng, hồn hậu...

- Tác phẩm chính: *Mây đầu ô.*

**II. Tác phẩm**

- Tây Tiến là một đơn vị quân đội, được thành lập đầu năm 1947, hoạt động ở biên giới Việt – Lào với nhiệm vụ phối hợp với quân đội cách mạng Lào để bảo vệ biên giới, tiêu hao lực lượng địch. Chiến sĩ Tây Tiến phần đông là trí thức, thanh niên Hà Nội lại phải hoạt động trên một địa bàn rộng lớn, hiểm trở với muôn ngàn khó khăn, thử thách ; điều kiện chiến đấu khắc nghiệt song những người lính trẻ đã vượt qua những thử thách ấy.

- Cuối năm 1948, Quang Dũng được chuyển sang đơn vị khác. Tại Phù Lưu Chanh (thuộc tỉnh Hà Đông cũ), Quang Dũng đã viết bài thơ này .

**B. Đọc-hiểu**

**I. Bố cục:**

**1. Phần 1: “**Sông Mã xa rồi …hoa đong đưa”: Con đường hành quân gian khổ, vẻ đẹp của khung cảnh Tây Bắc và hình ảnh đoàn quân Tây Tiến trên nền thiên nhiên hùng vĩ dữ dội nhưng mĩ lệ, trữ tình ấy.

**2. Phần 2**: Chân dung người lính Tây Tiến và lời hẹn ước.

**II. Tìm hiểu tác phẩm:**

**1. Khổ 1:**

- Cảm xúc chủ đạo là nỗi nhớ. Cảm xúc này chi phối toàn bộ hình ảnh trong bài thơ.Nỗi nhớ bùng lên thành tiếng gọi. Nỗi nhớ chất chồng, không thể định hình ấy lan tỏa trong không gian, bao phủ mọi miền kí ức: từ khung cảnh miền Tây tới những người đồng đội Tây Tiến một thuở.

( câu cảm thán, lời gọi, từ láy *chơi vơi,* hài thanh *ơi – chơi vơi…*).

- Những địa danh của Tây Bắc xuất hiện dày đặc: TB in dấu chân người lính Tây Tiến, mỗi tên đất gắn với những kỉ niệm về đất và người Tây Bắc, về đoàn quân Tây Riến.

a/ Khung cảnh núi rừng Tây Bắc:

- Vùng đất xa xôi, hoang vắng , hùng vĩ, dữ dội, khắc nghiệt, bí hiểm:

+ *Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm:* câu thơ toàn vần trắc 🡪 dốc nối tiếp nhau, độ cao của dốc núi.

+ *Heo hút..ngửi trời*: núi cao, vực sâu ( Chú ý : từ láy, biện pháp đối lập, cách nói *súng ngửi trời*).

+ *Ngàn thước..xuống:* diễn tả độ dốc, khó khăn của những chặng đường hành quân (Chú ý : câu thơ gãy gập, nghệ thuật đối lập, lặp,…).

+ *Chiều chiều…cọp trêu người* : tính chất dữ dội, hoang vu, bí hiểm; sự nguy hiểm thường trực.

🡪 Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội, hiểm trở, khắc nghiệt.

b/ Tây Bắc thơ mộng, trữ tình:

-*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi;Mường Lát hoa về trong đêm hơi*

*🡪*câu thơ toàn thanh bằng; hình ảnh đẹp, đa nghĩa từ ngữ chính xác, gợi cảm (*hoa về trong đêm hơi*).

2/ Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến :

- Được khắc họa trên nền thiên nhiên TB hùng vĩ , dữ dội và trữ tình.

- *sương lấp đoàn quân mỏi, dốc lên khúc khuỷu…thăm thẳm*: mệt mỏi, nhiều thách thức vì đường xa, dốc cao vực sâu, quanh co khúc khuỷu.

- *anh bạn dãi dầu…bỏ quên đời*: Hai cách hiểu (mệt mỏi thiếp đi và cái chết trên đường hành quân); cách nói giảm nói tránh: xem thường khó khăn, thử thách và coi cái chết nhẹ nhàng, làm giảm nhẹ đau thương.

- *súng ngửi trời:* cách nói trẻ trung, tinh nghịch, hồn nhiên của người lính: xem thường khó khăn,gian khổ, thách thức.

🡪 Người lính Tây Tiến: ngang tàng, trẻ trung, lạc quan, hóm hỉnh.

- *Pha Luông …xa khơi; Mường Lát …đêm hơi:* Cảm nhận vẻ đẹp mềm mại, trữ tình của cảnh vật; cảm được vẻ đẹp tưởng như bị chìm đi sau vẻ đẹp chủ đạo là hung vĩ, dữ dội🡪 tâm hồn lãng mạn, tinh tế, tài hoa.

**2. Khổ 2**:

a. Cảnh đêm liên hoan :

- Cảnh rực rỡ, lung linh,ấm áp, huyền ảo, rực rỡ; không khí sống động, vui tươi (Chú ý: *bừng lên,hội đuốc hoa, …* )

- Con người (*Kìa em xiêm áo…e ấp)*: đẹp lộng lẫy, say sưa trong âm nhạc và vũ điệu xứ lạ 🡪 Người lính ngạc nhiên, bất ngờ trước không khí và vẻ đẹp của những cô gái vùng cao.

🡺Đêm liên hoan ấm áp tình quân dân; tâm hồn trẻ trung, lãng mạn, hào hoa của người lính.

b. Cảnh sông nước miền Tây :

- Cảnh vật : thơ mộng, huyền ảo, trữ tình, hoang sơ , hung bạo ( buổi chiều trên sông nước,*chiều sương, hồn lau, hoa đong đưa* duyên dáng, trữ tình trên cái nền dữ dội, hung dữ của *dòng nước lũ).*

- Con người TB: *Dáng người trên độc mộc:* vẻ đẹp vững chãi, can trường, rắn rỏi giữa thiên nhiên.

**3. Khổ 3:**

- Chân dung người lính Tây Tiến

+ Ngoại hình

+ Tư thế:

🡪Xanh xao, tiều tụy vì bệnh tật và gian khổ, thiếu thốn nhưng vẫn toát lên vẻ kiêu dung, mạnh mẽ, oai phong.

+ Ý chí, tinh thần: Quyết tâm chiến đấu tiêu diệt kẻ thù, hoàn thành nhiệm vụ.

+ Tâm hồn: mơ về quê hương và những người thiếu nữ Hà thành: lãng mạn, đa tình, yter trung, hào hoa.

- Sự hi sinh bi tráng của người lính Tây Tiến:

+ Khắc họa đậm nét để hoàn chỉnh bức chân dung: thể hiện tinh thần không né tránh hiện thực đau thương.

 + Họ là những chàng trai Hà Nội, nồng nàn yêu nước, tự nguyện dấn thân vào cuộc chiến khốc liệt của dân tộc không tính toán, không suy bì hơn thiệt, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. *“Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”*🡪 Cách nói chủ động: Thái độ tự nguyện, thanh thản. Lí tưởng cao đẹp đã lấn át cái bi thương

-Hình ảnh:

+*Rải rác biên cương mồ viễn xứ*: người lính TT chết vì kiệt sức, bệnh tật hơn là chết trận. Loạt từ Hán Việt mang sắc thái cổ kính trang nghiêm biến những nấm mồ hoang lạnh nơi núi rừng thành những mộ chí tôn nghiêm vĩnh hằng.

+*Áo bào thay chiếu*: Hình ảnh mang đậm cảm hứng lãng mạn.

+Cách nói giảm :*“ anh về đất”*🡪 ca ngợi sự hi sinh và bất tử của những người lính: về với đất mẹ, hoá thân vào sông núi để sống mãi với nước non này.

+ *Sông Mã gầm lên khúc độc hành*: thiên nhiên nghiêng mình đưa tiễn các anh, khúc độc hành bi tráng mãi khắc tên những nấm mồ oanh liệt.

🡪Hình ảnh thơ đầy xúc động, diễn tả thực đến mức trần trụi cái khắc nghiệt của thực tế chiến đấu lúc bấy giờ. Tả thực, không thêm thắt, không giấu che hiện thực khắc nghiệt ( dù cách nói có ước lệ ). Khổ thơ đong đầy cảm xúc bi thương nhưng lại toát lên vẻ đẹp hào hùng, ngợi ca .

\* Khổ 4: Lời thề thiêng liêng của người lính TT.

- tinh thần *« một đi không trở lại »* của những người lính TT : quyết tâm hi sinh vì nghĩa lớn ; ra đi không hẹn ngày đoàn tụ.

- Sự gắn bó máu thịt với TB : *Hồn về …chẳng về xuôi.*

🡪 Lời thề thiêng liêng đậm chất bi tráng : xác định là đau thương nhưng vẫn dấn thân bằng tâm hồn lãng man.

**C. Tổng kết**

- Nội dung:

+ Nỗi nhớ của Quang Dũng về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Tây Bắc.

+ Bức chân dung bi tráng, hào hùng và hào hoa của người lính Tây Tiến.

- Nghệ thuật:

+ Cảm hứng và bút pháp lãng mạn.

+ Ngôn từ đặc sắc: từ láy, từ tượng hình, từ chỉ địa danh, từ Hán Việt...

+ Chất nhạc và chất họa kết hợp hài hòa.

**VIỆT BẮC**

***Tố Hữu***

**A. Giới thiệu**

- Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi, Hiệp định Giơ –ne – vơ về Đông Dương được kí kết, hòa bình lập lại, miền Bắc nước ta được giải phóng. Hoàn thành vẻ vang sứ mệnh lãnh đạo cuộc kháng chiến, tháng 10/1954, các cơ quan Trung ương Đảng và Chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về Hà Nội. Nhân sự kiện có tính chất lịch sử này, Tố Hữu sáng tác bài thơ Việt Bắc.

- Việt Bắc là một đỉnh cao của thơ ca cách mạng Việt Nam thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp. Tác phẩm được chia làm hai phần: phần đầu tái hiện giai đoạn gian khổ nhưng vẻ vang của cách mạng và kháng chiến ở chiến khu Việt Bắc nay đã trử thành những kỉ niệm sâu nặng trong lòng người; phần sau nói về sự gắn bó giữa miền ngược và miền xuôi trong viễn cảnh đất nước hòa bình và ca ngợi công ơn của Đảng, của Bác đối với dân tộc.

- Đoạn trích là phần đầu của bài thơ.

**B. Đọc-hiểu**

**I*.***Cảm nhận chung về đoạn thơ:

 - Kết cấu :Theo lối đối đáp quen thuộc của ca dao 🡪 tạo sự hô ứng đồng vọng ; đậm chất dân gian.

- Cách xưng hô: Mình –Ta 🡪 Cặp từ đối ứng quen thuộc trong ca dao. Cặp từ này cứ quấn quýt, xoắn quyện lấy nhau, chuyển hóa cho nhau, tuy hai mà một đã góp phần thể hiện sâu đậm ý tưởng nội dung.

- Thể thơ lục bát

🡺Hình thức thể hiện chất dân tộc đậm đà.

 - Cảm hứng chủ đạo:

 \*Nhớ :(Xuất hiện 35 lần trong toàn bài ).

 Điệp từ này xuất hiện với một tần số lớn đã thể hiện được nỗi nhớ da diết, mênh mang cồn cào với nhiều sắc thái khác nhau trong tâm trạng của chủ thể trữ tình.

\*Toàn bài thơ là tiếng hát ân tình thủy chung của người cán bộ Cách mạng đối với nhân dân, với truyền thống CM.

 **II. Tìm hiểu đoạn trích:**

**1. Cuộc chia tay lưu luyến thấm đượm nghĩa tình:(8 câu đầu)**

***\* Người ở lại:***

+Lên tiếng trước thể hiện sự nhạy cảm với hoàn cảnh đổi thay và với nghĩa tình đằm thắm thiết tha.

+Nhắc lại thời gian gắn bó:15 năm gắn với lịch sử cách mạng, đủ dài cho lòng người nhận rõ lòng người và gắn bó thiết tha.

+Nhìn hiện tại nhớ dĩ vãng, nhìn hiện vật nhớ người đã xa. Đó là quy luật của tình cảm 🡪Lời nhắc nhở khởi phát từ mối tình sâu nặng.

***\*Người ra đi :***

+ Lắng nghe tha thiết. Tâm trạng xúc động bâng khuâng bồn chồn .

🡪 Chuyện ân tình cách mạng được Tố Hữu thể hiện như tình yêu đôi lứa.

+ Nỗi lưu luyến, bịn rịn không muốn rời

(Chú ý: hoán dụ, từ láy, hành động,lí giải sự không thể mở lời của người đi)

**2. Hoài niệm thiết tha về cảnh vật, con người và cuộc kháng chiến**: Trong nỗi nhớ của nhân vật trữ tình, thiên nhiên, con người Việt Bắc với cuộc k/c gian khổ mà hào hùng đã hiện lên thật rõ nét.

 a. Thiên nhiên Việt Bắc:

- Dữ dội: *Mưa nguồn, suối lũ, những mây cùng mù*, *nắng cháy lưng…*

-Thơ mộng: *Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương, bản khói cùng sương*…

-Tươi mát, mĩ lệ: bức tranh tứ bình hiện ra với các gam màu tươi tắn rực rỡ:

+*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi*(đông)

+*Mơ nở trắng rừng* (xuân)

-*Ve kêu rừng phách đổ vàng* (hạ)

-*rừng thutrăng rọi hòa bình* (thu)

🡪Thiên nhiên với các thời điểm: bốn mùa, với không gian: sương sớm, nắng chiều, trăng khuya… ùa về trong nỗi nhớ. Đó là nỗi nhớ khó tả, sâu đậm thể hiện sự yêu quí và gắn bó với cảnh vật thiên nhiên việt bắc.

+Anh hùng: Thiên nhiên cùng tham gia vào cuộc k/c : *Núi giăng thành lũy sắt dày, Rừng che bộ đội rừng vây quân thù.*

**b. Con ngườiViệt Bắc:**

-Vất vả, gian lao nhưng sâu nặng nghĩa tình:

*. Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son*

*. Thương nhau chia củ sắn lùi*

*Bát cơm sẻ nửa, chăn suiđắp cùng.*

+ Đẹp trong lao động, hòa mình vào thiên nhiên*: (Ta về mình có nhớ ta…ân tình thủy chung)*

- Cứ mỗi câu lục tả cảnh mỗi mùa, gắn với một loài hoa rực rỡ sắc màu thì lại đan xen một câu bát tả người với vẻ đẹp cần cù, siêng năng, lạc quan, giao hòa với thiên nhiên và ân tình thuỷ chung.

🡪hai hình ảnh này tôn vinh vẻ đẹp cho nhau.

 c. Cuộc kháng chiến:

\*Gian khổ nhưng lạc quan, hào hùng:

+Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo

+Khí thế hào hùng, khẩn trương, sức mạnh vô địch :*Những đường Việt Bắc… đêm đêm rầm rập như là đất rung, điệp điệp trùng trùng, dân công đỏ đuốc từng đoàn, đèn pha bật sáng …*

 +Khí thế chiến thắng:thể hiện qua tin vui liên tiếp bay về:Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên…

🡪 Bút pháp anh hùng ca: giọng điệu mạnh mẽ, hào hùng; từ láy; so sánh; hình ảnh đẹp hào hùng.

\*Bên hình ảnh nhân dân anh hùng, hình ảnh Trung ương, chính phủ và Bác Hồ cũng lung linh tỏa sáng:

+ *“Nắng trưa rực rỡ sao vàng/ Trung ương chính phủ luận bàn việc công”* chính là h/a đầu não của cuộc k/c, là trái tim của cả nước, đề ra những nhiệm vụ những phong trào cấp thiết.

+Có sự đồng nhất giữa BácHồ với VB, với Cách mạng ( sáng soi, nuôi chí bền, dựng nên…)

 =>Bức tranh sử thi hoành tráng ngợi ca sức mạnh chủ nghĩa yêu nước, nhân dân anh hùng.

-Đoạn thơ ngập tràn cảm xúc, chất hiện thực và chất lãng mạn đan xen vào nhau, tạo nên vẻ đẹp vừa đằm thắm, vừa hoành tráng 🡪Mang đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

**C. Tổng kết**

- Nội dung: Đoạn trích là khúc hồi tưởng ân tình về Việt Bắc trong những năm cách mạng và kháng chiến gian khổ; bản anh hùng ca về cuộc kháng chiến; bản tình ca về nghĩa tình cách mạng và kháng chiến.

- Nghệ thuật:

+ Bài thơ đậm đà tính dân tộc: thể thơ lục bát, kết cấu đối đáp, cách xưng hô *mình – ta*…

+ Ngôn ngữ và hình ảnh đậm sắc thái dân gian

**ĐẤT NƯỚC**

 **(Trích trường ca *Mặt đường khát vọng*)**

 **Nguyễn Khoa Điềm*.***

**A.Tìm hiểu chung*:***

**I. Tác giả: (1943)**

-Sinh ra trong một gia đình trí thức yêu nước. Học tập và trưởng thành trên miền Bắc, hoạt động chính trị, văn nghệ ở miền Nam.

- Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước.

- Đặc điểm thơ: Giàu chất suy tư, xúc cảm dồn nén. Giọng thơ trữ tình chính luận .

- TPTB:Đất ngoại ô, Mặt đường khát vọng …

**II. Đoạn trích :**

- HCST: Hoàn thành ở chiến khu Trị -Thiên 1971 .

- TP có tính chất thức tỉnh, nhận đường đối với thế hệ trẻ ở đô thị miền Nam về Đất nước, về sứ mệnh lịch sử của mình

- Vị trí: Trích chương V trường ca “Mặt đường khát vọng “– thể hiện tư tưởng cốt lõi: ĐN của nhân dân.

**B. Đọc hiểu đoạn trích**

**I**. **Bố cục**: Hai phần (mốc chia: “muôn đời”).

- Phần1: Đất nước được cảm nhận từ nhiều phương diện: cội nguồn, lịch sử, địa lí, văn hoá …

- Phần2:Tư tưởng cốt lõi “Đất Nước của Nhân Dân”.

**II. Nội dung**

***1/ Phần1***: Cảm nhận của Nguyễn Khoa Điềm về Đất Nước.

ĐN được cảm nhận từ chiều dài của thờigian, chiều rộng của không gian và chiều sâu của lịch sử văn hóa dân tộc.

\* Cội nguồn lịch sử :

- “Khi ta lớn lên” - “Đất nước đã có rồi” :cội nguồn của đất nước - một đất nước vừa cụ thể vừa huyền ảo đã có từ rất lâu đời.

- ĐN được cảm nhận từ quá khứ với huyền thoại “Lạc Long Quân và Âu Cơ” cho đến hiện tại với những con người không bao giờ quên nguồn cội dân tộc, truyền thuyết Hùng Vương và ngày giỗ Tổ .

\* Truyền thống văn hoá:

- ĐN gắn liền với nền văn hoá lâu đời của dân tộc:

 + Câu chuyện cổ tích, ca dao.

 + Phong tục của người Việt: ăn trầu, bới tóc.

- Đất nước lớn lên đau thương vất vả cùng với cuộc trường chinh không nghỉ ngơi của con người:

 +Cuộc k/c chống ngoại xâm, gắn với hình ảnh cây tre- biểu tượng cho sức sống bất diệt của dân tộc.

 +Gắn với nền văn minh lúa nước, lao động vất vả.

-ĐN gắn với những con người sống ân tình, thủy chung

=> Đất nước không trừu tượng mà ở ngay trong cuộc sống của mỗi chúng ta.

\* Không gian địa lí:

- Là không gian hò hẹn của tình yêu (Lối chiết tự đầy ý nhị vừa mang tính cá thể vừa hết sức táo bạo , tác giả đã định nghĩa đất nước thật độc đáo)

- ĐN là nơi chốn sinh tồn của cả cộng đồng dân tộc qua bao thế hệ ( nơi dân mình đoàn tụ )

🡪Là sự thống nhất giữa cá nhân với cộng đồng.

- Đất nước còn là không gian rộng lớn tráng lệ hùng vĩ của núi cao, biển cả.

🡪 ĐN là những gì gần gũi thân quen gắn bó với cuộc sống mỗi người lại vừa mênh mông rộng lớn.

 \* Suy ngẫm về trách nhiệm của thế hệ trẻ với ĐN :

- ĐN có trong mỗi người , phải biết gắn bó với đất nước và hi sinh để bảo vệ đất nước. Đó là mệnh lệnh của con tim.

🡺 ĐN hiện lên vừa thiêng liêng, sâu xa, lớn lao vừa gần gũi, thân thiết với sự sống mỗi người. Cảm nhận về ĐN vừa bao quát, vừa cụ thể; vừa sâu sắc vừa mới mẻ, trẻ trung.Chất dân gian đậm đặc.

***2. Phần 2:*** Khắc sâu tư tưởng cốt lõi Đất Nước của Nhân Dân.

\* Cảm nhận ĐN qua những địa danh thắng cảnh gắn với cuộc sống, tính cách, số phận của nhân dân:

+Tình nghĩa, thuỷ chung(núi Vọng Phu, hòn T.mái )

+Truyền thống anh hùng, bất khuất, tinh thần đoàn kết ( gót ngựa Thánh Gióng …đất tổ Hùng Vương)

+Truyền thống hiếu học, cần cù, ý chí tự lập, tự cường ( người học trò nghèo…núi Bút,non Nghiên)

🡪Mỗi tên núi, tên sông, ruộng đồng, gò bãi…đều mang theo “ao ước”, thể hiện “lối sống ông cha”. ĐN được làm nên từ tâm hồn dân tộc.

\* Nghĩ về 4000 năm ĐN, tg không điểm lại các triều đại, các anh hùng nổi tiếng mà nhấn mạnh đến vô vàn những con người vô danh, bình dị :

Họ là số đông, âm thầm cống hiến và hi sinh.*(Họ đã sống và chết /giản dị và bình tâm /không ai nhớ mặt, đặt tên/ nhưng họ đã làm nên ĐN)*🡪Họ là Nhân Dân.

\*Nhân Dân đã làm ra Đất Nước:

- Bằng lao động, ND đã sáng tạo ra nền văn minh vật chất truyền lại cho thế hệ sau,

- Giữ gìn, truyền lại bản sắc văn hóa dân tộc

- Truyền lại những phẩm chất đẹp đẽ làm nên tính cách người Việt: cần cù trong lao động; say đắm trong tình yêu; tình nghĩa thủy chung mọi quan hệ với con ngườ; căm thù và kiên trì trong chiến đấu bảo vệ đất nước.

- Chống ngoại xâm, nội xâm bảo vệ ĐN.

🡺*Để ĐN này …của ca dao thần thoại* : Đây là một định nghĩa giản dị mà độc đáo về ĐN, ca ngợi công lao của ND: Bảo vệ, giữ gìn đất nước; sáng tạo và gìn gữ bản sắc văn hóa; truyền cho thế hệ sau đức tính đẹp dẽ làm nên tâm hồn dân tộc.

**3.** **Nghệ thuật** :

-Thể thơ tự do, phóng túng .

-Ngôn ngữ giàu h/ả, h/ả vừa quen thuộc vừa mới mẻ

- Sử dụng đậm đặc chất liệu văn hoá dân gian.

- Giọng thơ trữ tình - chính trị .

**C. Tổng kết:**

- Nội dung

+ Cảm nhận toàn diện, mới mẻ, độc đáo của NKĐ về Đất nước; khơi dậy trách nhiệm của mỗi cá nhân với đất nước và cộng đồng, lịch sử.

- Nghệ thuật

+ Thơ trữ tình - chính luận sâu lắng thiết tha ; kết hợp giữa suy tưởng và cảm xúc.

+ Sử dụng nhuần nhị và sáng tạo các chất liệu văn hoá và văn học dân gian trong câu thơ hiện đại .

**SÓNG**

 ***Xuân Quỳnh***

**A. Giới thiệu**

I. Tác giả

- Xuân Quỳnh (1942 -1988): thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ.

- Xuân Quỳnh có cuộc đời bất hạnh nên luôn khao khát tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử.

- Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước.

- Thơ Xuân Quỳnh là tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khao khát hạnh phúc đời thường, bình dị; nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu.

II. Tác phẩm:

- Bài thơ được viết tại biển Diêm Điền (Thái Bình) năm 1967, in trong tập *Hoa dọc chiến hào* (1968)

- Đề tài: Tình yêu

- Chủ đề: Mượn sóng để diễn tả tình yêu của người phụ nữ. Sóng là ẩn dụ cho tâm hồn người phụ nữ đang yêu.

- Là một trong các bài thơ tình hay nhất của Xuân Quỳnh nói riêng và của thơ hiện đại Việt Nam nói chung.

**B. Đọc-hiểu**

I. Cảm nhận chung:

\* Đề tài: Tình yêu là một đề tài quen thuộc trong thi ca nhưng XQ có cách thể hiện riêng, đầy nữ tính.

\*Âm điệu bài thơ :

+Là âm điệu của những con sóng trên biển cả.

+Là nhịp sóng lòng của chủ thể trữ tình.

+Được tạo bởi:Thể thơ 5 chữ với sự linh hoạt khi ngắt nhịp, phối âm,hiệp vvần và phương thức tổ chức ngôn từ, hình ảnh.

\* Hình tượng: sóng và em

+Sóng: H/ả ẩn dụ của tâm trạng người con gái đang yêu, là sự hóa thân và phân thân của cái tôi trữ tình.

+Em: Cái tôi trữ tình của nhà thơ.

🡺 Sóng và Em: Là hai hình tượng gắn kết nhau, đan cài vào nhau, chuyển hóa cho nhau để cùng thể hiện những xao động, những sắc thái tâm trạng, những cung bậc tình cảm trong một tâm hồn đang yêu.Tuy hai mà một. Lúc tách ra để soi chiếu vào nhau, tìm nét tương đồng, lúc nhập vào nhau tạo âm vang, cộng hưởng. Điều gì Sóng không nói hết thì Em nói, điều gì Em khó nói thì mượn Sóng nói dùm. Vì thế, những rung động trong tâm hồn của một người phụ nữ đang yêu được thể hiện vừa tế nhị, dịu dàng vừa mãnh liệt, nồng say.

II/ Đọc hiểu bài thơ:

1/ Hiện thực tâm trạng của một trái tim đang yêu:

\*Trái tim người con gái đang yêu tự nhận thức những biến động khác thường của lòng mình.

 Đó là những trạng thái gần như đối cực:

 Dữ dội >< dịu êm

 Ồn ào >< lặng lẽ

=>Xao động dữ dội, không đứng yên -> tựa sóng.

\*Trái tim người con gái đang yêu không chịu chấp nhận sự tầm thường, nhỏ hẹp, luôn khao khát vươn tới cái lớn lao, phóng khoáng có thể đồng cảm, đồng điệu với mình: Sông không hiểu nổi mình

 Sóng tìm ra tận bể

🡪 quan niệm mới mẻ về t/y: người con gái khao khát yêu đương nhưng không nhẫn nhục, cam chịu, từ bỏ nơi chật hẹp để đến với cái cao rộng, bao dung; soi trong tình yêu để khám phá tâm hồn mình.

\* Khát vọng yêu rạo rực, bồi hồi trong ngực trẻ là quy luật của muôn đời. Khát vọng này được cảm nhận như là nỗi khát khao vĩnh hằng , muôn thuở của nhân loại, nhất là của tuổi trẻ. Cũng như sóng, nó mãi trường tồn, vĩnh hằng với t/g: “Ôi...ngực trẻ”.

\* Trăn trở, băn khoăn, tự nhìn lại mình để nhận thức những bí ẩn của tâm hồn mình. Đây là quy luật của tâm lí. Lấy quy luật của tự nhiên để cắt nghĩa cho quy luật tình cảm nhưng không tài nào cắt nghĩa nổi, cuối cùng đành thú nhận một cách chân thành. Người đọc như cảm nhận được cái lắc đầu đáng yêu của cô gái “Em cũng không biết nữa…yêu nhau”

\*Tình yêu còn đồng hành với nỗi nhớ. Lại lấy quy luật của tự nhiên để thổ lộ lòng mình.

- Khổ thơ đặc biệt: tăng số lượng câu thơ .

+Sóng : Con sóng dưới lòng sâu/ con sóng trên mặt nước -> nhớ bờ, ngày đêm không ngủ được =>Sóng liên tiếp, miên man, vô hồi vô hạn, không ngủ được vì nhớ bờ.

+Em : Cảm thấy sóng nói chưa đủ, em trực tiếp nói lên nỗi nhớ đang cồn cào, da diết trong lòng mình. Hai câu thơ cuối khổ là lời khẳng định chắc nịch, sự dồn nén của tình cảm thể hiện sự mãnh liệt của nỗi nhớ trong tình yêu. Nỗi nhớ thấm sâu vào trong mọi miền không gian và thời gian, chiếm ngự cả vô thức tiềm thức. => Bày tỏ tình cảm một cách chân thành, mãnh liệt mà vẫn tế nhị.

\*Tình yêu gắn liền với lòng chung thủy. Đây là nét đặc thù của tình yêu chân chính.

-Dù không gian có rộng lớn, dù hoàn cảnh sống có đổi thay (xuôi - ngược / bắc - nam ) nhưng t/y vẫn hướng về một phương duy nhất: phương anh.

-Câu thơ ngời lên vẻ đẹp của một tâm hồn thuần khiết trong tình yêu ( chân thành, đằm thắm, trong sáng )

2/ Niềm tin, nỗi âu lo và khát vọng vĩnh cửu hóa tình yêu

\*Tin tưởng và âu lo vẫn là những thái cực khác nhau nhưng cùng tồn tại thống nhất trong một trái tim yêu.

 + Sóng tới bờ dù cách trở: Tình yêu là sức mạnh để em và anh vượt qua gian lao, thử thách để đạt đến hạnh phúc -> Niềm tin mãnh liệt vào tình yêu.

+ Cuộc đời - dài thế / Năm tháng - đi qua 🡪 Kiểu câu nhượng bộ: Âu lo, phấp phỏng về sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của hạnh phúc (cảm giác thường trực trong thơ XQ ở giai đoạn sau) =>Âu lo nhưng không thất vọng mà luôn muốn được sống hết mình cho t/y.

\*Khát vọng bất tử hóa tình yêu của mình.

- Bày tỏ niềm khát khao bất tử hóa tình yêu trong biển lớn cuộc đời.

-T/y rất nồng nàn, mãnh liệt, đắm say mà không hề ích kỉ được biểu lộ bằng khát vọng giao hòa giữa biển lớn tình yêu.

C. Tổng kết:

1/ Nội dung:

- Vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.

- Khao khát vượt mọi giới hạn để hóa thân vào tình yêu vĩnh cửu .

2. Nghệ thuật:

- Thể thơ 5 chữ đều đặn, nhịp nhàng nhưng không để lại cảm giác về sự đơn điệu bởi sự thay đổi của âm điệu: thể hiện hình ảnh sóng và tâm hồn người con gái đang yêu: lúc dồn nén, lúc dàn trải; lúc trào dâng, lúc lắng sâu; lúc dữ dội, lúc dịu êm…

- Ẩn dụ nghệ thuật .

**CHUYÊN ĐỀ 4: VĂN XUÔI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945-1975**

**TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP**

 ***Hồ Chí Minh***

**A.Giới thiệu**

- Bản *Tuyên ngôn Độc lập* được viết vào những ngày cuối tháng 8/ 1945. Sau khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi ở Hà Nội (19/8/1945), Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc trở về Hà Nội. Tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang, Người soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập.* Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Người thay mặt Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đọc *Tuyên ngôn Độc lập* trước hàng chục vạn đồng bào, khai sinh ra nước Việt nam mới.

- Hồ Chí Minh viết và đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* khi đế quốc thực dân đang chuẩn bị chiếm lại nước ta đồng thời với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp vũ khí quân đội Nhật, quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc tiến vào phía bắc, quân đội Anh tiến vào phía nam. Thực dân Pháp theo chân Đồng minh, tuyên bố: Đông Dương là đất “bảo hộ” của Pháp, bị Nhật chiếm, nay Nhật đã đầu hàng, vậy Đông Dương phải thuộc quyền của Pháp.

**B.**

**1. Nêu nguyên lí chung về quyền tự do, bình đẳng , quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và của các dân tộc**.

**2. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp:**

- Thực dân Pháp đã phản bội và chà đạp lên chính nguyên lí mà tổ tiên họ xây dựng.

- Vạch trần bản chất xảo quyệt, tàn bạo, man rợ; những âm mưu thâm độc,

chính sách tàn bạo của thực dân Pháp bằng những lí lẽ và sự thật lịch sử không thể chối cãi. Đó là những tội ác về chính trị, kinh tế, văn hóa...Chúng còn hèn nhát bán nước ta cho Nhật, đàn áp Việt minh và những người yêu nước.

- Khẳng định thực tế lịch sử: nhân dân ta nổi dậy giành chính quyền, lập nên

nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

**3. Tuyên bố độc lập:** tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập, tự do của Việt Nam; tuyên bố quyết tâm của toàn dân tộc bảo vệ quyền độc lập, tự do đó.

 \* Ý nghĩa văn bản:

- TNĐL là một văn kiện lịch sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và

thế giới quyền tự do, độc lập của dân tộc Biệt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do ấy.

- Kết tinh lí tưởng đấu tranh giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng tự do,

độc lập của Hồ Chí Minh và nhân dân ta.

- Mở ra một kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do.

- Là áng văn chính luận mẫu mực

**→**Giá trị lịch sử và giá trị văn học.

**C. Tổng kết**

- Nội dung: sgk

- Nghệ thuật:

+ Lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, bằng chứng xác thực, giàu sức thuyết phục.

+ Ngôn ngữ chính xác và gợi cảm.

+ Giọng văn uyển chuyển,linh hoạt; lời lẽ đanh thép.

**……………………………..**

**NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ**

***Nguyễn Tuân***

**A. Giới thiệu**

**I. Tác giả:**

- Nguyễn Tuân (1910-1987) quê ở Hà Nội, sinh ra trong một gia đình nhà Nho khi Hán học đã tàn.

- CM tháng Tám thành công, ông nhiệt tình tham gia CM và KC, là cây bút tiêu biểu của văn học cách mạng, say sưa viết về cuộc sống mới, con người mới trong kháng chiến cũng như trong xây dựng.

- 1996, được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về VHNT.

- Là cây bút văn xuôi tài hoa độc đáo của nền văn học Việt Nam hiện đại. Ông đặc biệt thành công ở thể loại tuỳ bút.

- TP tiêu biểu: ***Một chuyến đi, Vang bóng một thời…***

**II. Tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** TP là kết quả của nhiều dịp đến với Tây Bắc của nhà văn, đặc biệt chuyến đi thực tế năm 1958.

- Đây là một trong số 15 tùy bút của NT in trong tập ***Sông Đà*** xuất bản năm 1960.

- Thể loại : tùy bút

**B. Đọc-hiểu**

**I. Con sông Đà d­ưới ngòi bút Nguyễn Tuân trở thành một sinh thể vừa hung bạo vừa trữ tình.**

**1. Sông Đà - con sông hung bạo, nham hiểm, dữ dội:**

- Hướng chảy của dòng sông: độc đáo, bất thường các dòng sông chảy về đông, chỉ có Sông Đà chảy về Bắc.

- Cảnh bờ sông:

+ *Đá bờ sông dựng vách thành*

*+ Đúng ngọ mới có mặt trời*

*+ Chẹt lòng sông như cái yết hầu*

*+ Có quãng con nai … bờ kia,*…

⭢ Tất cả gợi sự hùng vĩ của núi non Sông Đà.

- Cảnh thác và âm thanh nước Sông Đà:

+ *Nước xô đá …nợ xuýt*

*+ Thở và kêu… cái bị sặc*

+ *Nghe như là oán trách… mà chế nhạo*

*+ Rống lên như tiếng …cháy bùng bùng*: gợi không khí của một trận cuồng lửa, hủy diệt, dùng lửa để tả nước – hai yếu tố vốn tương khắc, giờ lại hòa hợp.

⭢ Sự hoành tráng, mãnh liệt, hung bạo đến điên cuồng của con sông dữ.

- Hút nước trên mặt sông:

+ *Giống như cái giếng …móng cầu*

*+ Từ đáy hút nước …cao đến vài sải*

*+ Thành giếng xây … pha lê xanh*

*+ Cốc pha lê nước khổng lồ*

- Thạch trận Sông Đà:

+ Đá: *Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, nhăn nhúm méo mó*. *Đứng, ngồi, nằm*, nghiêng với những nhiệm vụ riêng được bày sẵn thạch trận thành 3 tuyến.

+ Bày 3 trùng vi nhằm tước đoạt và hủy diệt đến cùng sự sống của con người.

\* Tóm lại: Con sông mang vẻ đẹp hùng vĩ trong sự hung bạo, dữ dội. Nó trở thành kẻ thù số một của người Tây Bắc.

**2. Sông Đà còn mang vẻ đẹp trữ tình đầy chất thơ:**

- Hình dáng dòng sông đầy thơ mộng: *sông Đà tuôn dài tuôn…đốt nương xuân.* Mềm mại, duyên dáng, kiều diễm

- Màu sắc: biến đổi theo mùa rất sinh động: Xuân: *xanh ngọc bích*, Thu: *lừ lừ chín đỏ*

- Không gian:

*+ Lặng tờ / tịnh không một bóng người*

*+ Bờ sông hoang dại như… cổ tích tuổi xưa.*

- Cảnh vật: *ngô non/ cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp/ đẫm sương đêm/ con hươu thơ ngộ/ đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi.*

Tóm lại, con sông mang vẻ đẹp thơ mộng, kì thú, tự nhiên như chẳng vướng bụi trần, khơi nhiều cảm xúc cho con người giống như một cố nhân.

**2. Hình tư­ợng ông lái đò**:

Ở các đoạn trước (trước đoạn trích trong SGK), người đọc đã được biết về ngoại hình người lái đò :

- Ông lái đò có ngoại hình và tố chất khá đặc biệt: dẫu đã 70 tuổi nhưng *cái đầu bạc… cái đầu quắc thước ấy đặt trên một thân hình cao to và gọn quánh như chất sừng chất mun, tay ông lêu nghêu như một cái sào, chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh gò lại như đang quắp lấy một cuống lái tưởng tượng…*

- Sự lão luyện tinh thông trong nghề nghiệp: am hiểu con sông, có thể *“nhớ như đóng đanh vào lòng đất tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở”* dòng sông mà ông thuộc đến cả những dấu chấm than, chấm câu và cả những đoạn xuống dòng của thiên anh hùng ca.

- Vẻ đẹp nổii bật của người lái đò là vẻ đẹp của Trí – Dũng - Tài hoa: Hiện lên như một vị chỉ huy dày dạn kinh nghiệm, dũng cảm, tài hoa, nắm chắc binh pháp của thần sông, thần đá, linh hoạt thay đổi chiến thuật để lần lượt vượt qua từng trùng vi thạch trận:

***+ Trùng vây 1***

. Con sông: thác, đá cực mạnh, cực ác. Vừa thách thức, doạ nạt, vừa đánh đòn cực hiểm. Bốn cửa tử, một cửa sinh; Sóng trận địa phóng thẳng; Mặt nước hò la vang dậy, ùa vào mà bẻ gẫy cán chèo; Sóng nước như quân liều mạng đội thuyền lên; Nước bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng ông đò đòi lật ngửa mình

. Ông lái đò: bình tĩnh, tỉnh táo ngay cả lúc đã bị thương: ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp lấy cuống lái, mặt méo bệnh đi nhưng vẫn vang rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn tỉnh táo.

***+ Trùng vây 2***

. Con sông:  Tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn; Dòng thác hùm beo đang hồng hộc tế mạnh trên sông đá; Chúng vẫn không ngớt khiêu khích.

. Ông lái đò: cưỡi lên thác sông Đà, nắm chặt lấy cái bờm sóng đúng luồng, ghì cương lái phóng nhanh vào cửa sinh. Trước bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đòn cửa tử đứa thì ông tránh, đứa thì ông đè sấn lên chặt đôi ra để mở đường tiến.

***+ Trùng vây 3***

. Con sông: Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả; Luồng sống ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác.

. Ông lái đò: phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa, vụt qua cổng đá cánh mở cánh khép. Con thuyền được ông lao đi như mũi tên tre, vụt qua cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng… cứ thế cho đến hết thác…

- Vẻ đẹp còn ông lái đò còn hiện lên khi chở đò, là nghệ sĩ, là dũng tướng tài ba. Kết thúc công việc, ông là một người bình thường, ngay khi vượt qua hết trùng vi thạch trận: đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn về cá anh vũ, cá đầm xanh… chả thấy ai bàn tán thêm một lời nào về cuộc chiến thắng thác nghềnh nguy hiểm vừa qua.

***Kết luận***:

- Ông lái đò vừa mang vẻ đẹp của một con người với trí-dũng-lực, vừa mang vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ.

- Thái độ cảm phục, ngợi ca lao động, ngợi ca sức mạnh, sự làm chủ của con người trước thiên nhiên.

**C. Tổng kết**

- Nội dung :

- Nghệ thuật :

+ Bài tuỳ bút đã sử dụng những kiến thức liên ngành đa dạng: lịch sử, địa lí, võ thuật, điện ảnh, hội hoạ, điêu khắc...

+ Nghệ thuật nhân hoá, so sánh của nhà văn rất táo bạo.

+Ngôn ngữ rất phong phú, tinh tế, chính xác, câu văn giàu tính tạo hình, giàu nhạc điệu.

**AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG?**

***Hoàng Phủ Ngọc Tường***

**A. Giới thiệu**

**I. Tác giả:**

- HPNT sinh 1937 tại Huế; là trí thức yêu nước gắn bó sâu sắc với thành phố Huế.

- Ông là một trong những nhà văn chuyên về bút kí. Tác phẩm của ông là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và trữ tình, giữa nghị luận sắc bén với trình bày giàu chất thơ và sự vận dụng tổng hợp tri thức triết học, địa lí, lịch sử, văn hóa,…

- TP tiêu biểu: Ngôi sao trên đỉnh Phú Vân Lâu, Hoa trái quanh tôi,…

**II. Tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:** Bài bút kí viết năm 1981, in trong tập sách cùng tên. Tập bút kí gồm 8 bài kí.

- **Thể loại** : bút kí

**B. Đọc-hiểu**

**I. Vẻ đẹp của dòng Sông Hương**

**1. Vẻ đẹp được phát hiện từ cảnh sắc thiên nhiên.**

**a. Sông Hương, đoạn chảy đầu nguồn**

- Khi qua dãy Trường Sơn hùng vĩ.

+ Sông Hương là bản tình ca của rừng già.:*Rầm rộ và mãnh liệt…Dịu dàng và say đắm….*

+ Sông Hương như một cô gái Di gan phóng khoáng man dại.

. *Rừng già đã hun đúc cho nó một bản tính gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng.*

 *. Cũng chính rừng già nơi đây đã chế ngự sức mạnh bản năng của người con gái Sông Hương.*

⭢ Vẻ đẹp của một sức sống trẻ trung, mãnh liệt và hoang dại.

- Khi ra khỏi rừng già.

+ Đóng kín phần tâm hồn sâu thẳm của mình ở cửa rừng…

+ Mang một sắc đẹp dịu dàng và trí tuệ, trở thành người mẹ phù sa của một vùng văn hoá xứ sở.

⭢Vẻ đẹp đầy bí ẩn, sâu thẳm của dòng sông.

🢡 Vẻ đẹp mạnh mẽ, trẻ trung đầy cá tính của dòng sông, gợi lên ở người đọc những liên tưởng kì thú, đầy sức hấp dẫn.

**b. Sông Hương, đoạn chảy ngoại vi thành phố**

- Chuyển dòng một cách liên tục, uốn mình theo những đường cong thật mềm.

*+ Từ ngã ba Tuần - theo hướng nam bắc qua điện Hòn Chén.*

*+ Chuyển hướng sang tây bắc vòng qua Nguyệt Biều, Lương Quán.*

*+ Đột ngột rẽ mộthình cung thật tròn về phía đông bắc lấy chân đồi Thiên Mụ, xuôi dần về Huế.*

⭢Như một cuộc tìm kiếm có ý thức để đi gặp thành phố tương lai của nó.

- Vẻ đẹp của dòng sông trở nên biến ảo vô cùng.

+ Qua Vọng Cảnh, Tam Thai: Dòng sông mềm như tấm lụa, tạo những mảng phản quang nhiều màu sắc…

+ Đến vùng rừng thông u tịch, lăng tẩm của vua chúa triều Nguyễn: Dòng sông mang vẻ đẹp cổ kính, trầm mặc như triết lí, như cổ thi.

+ Tới ngoại ô Kim Long: vẻ đẹp tươi vui….

⭢SH như một cô gái dịu dàng mơ mộng đang khao khát đi tìm thành phố tình yêu theo tiếng gọi vang vọng từ trái tim. Vẻ đẹp dòng sông huyền ảo, lung linh sắc màu.

**c. Cuộc gặp gỡ giữa Sông Hương – Huế :**

- Khi nhìn thấy Cầu Tràng Tiền = vành trăng non in gần trên nền trời.

+ Uốn một cánh cung rất nhẹ, như một tiếng vâng không nói ra của tình yêu.

+ Các nhánh sông toả đi khắp thành phố như muốn ôm trọn Huế vào lòng.

+ SH giảm hắn lưu tốc, xuôi đi thực chậm… yên tĩnh, khát vọng được gắn bó, lưu lại mãi với mảnh đất nơi đây

+ SH và Huế hoà vào làm một, SH làm nên vẻ mộng mơ của Huế, Huế làm nên vẻ đẹp trầm tư sâu lắng của SH.

🢡 Cuộc gặp gỡ của Huế và SH được tác giả cảm nhận như cuộc hội ngộ của tình yêu.

**d. Sông Hương, đoạn chảy trước khi rời Huế**

- Rời khỏi kinh thành, Sông Hương ôm lấy đảo Cồn Huế, lưu luyến ra đi…

- Đột ngột rẽ ngoặt lại để gặp thành phố- tình nhân lần cuối.

- Nói câu thề: còn non, còn nước, còn về, còn nhớ

🢡 Sự lưu luyến, bịn rịn của đôi tình nhân trong chia biệt. Gợi liên tưởng đến mối tình Kim Trọng- Thuý Kiều.

**2. Vẻ đẹp văn hoá của dòng sông**

- Dòng sông âm nhạc:

+ Là người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya.

+ Là nơi sinh thành ra toàn bộ nền âm nhạc có điểm của Huế.

+ Là cảm hứng để Nguyễn Du viết lên khúc đàn của nàng Kiều.

- Dòng sông thi ca:

+ Là vẻ đẹp mơ màng *“Dòng sông trắng lá cây xanh”* trong thơ Tản Đà.

+ Vẻ đẹp hùng tráng *“như kiếm dựng trời xanh”* của Cao Bá Quát.

+ Là nỗi quan hoài vạn cổ trong thơ bà Huyện Thanh Quan.

+ Là sức mạnh phục sinh tâm hồn trong thơ Tố Hữu

⭢ Sông Hương luôn đem đến nguồn cảm hứng mới mẻ, bất tận cho các thi nhân.

- Dòng sông gắn với những phong tục, với vẻ đẹp tâm hồn của người dân xứ Huế.

+ Màn sương khói trên Sông Hương bằng màu áo điền lục, một sắc áo cưới của các cô dâu trẻ trong tiết sương giáng.

+ Vẻ trầm mặc sâu lắng của sông Hương cũng như một nét riêng trong vẻ đẹp tâm hồn của người xứ Huế: *“rất dịu dàng và rất trầm tư…”*

**3. Dòng sông Hương với lịch sử hào hùng của mảnh đất cố đô.**

- Là một dòng sông anh hùng:

+ Từ xa xưa: là một dòng biên thuỳ xa xôi của đất nước của các vua Hùng.

+ Thời trung đại:

 . Dòng Linh Giang đã chiến đấu oanh liệt để bảo vệ biên giới phía nam Tổ quốc Đại Việt.

 . Vẻ vang soi bóng kinh thành Phú Xuân của người anh hùng Nguyễn Huệ.

+ Thời chống Pháp:

. Sống hết lịch sử bi tráng với máu của các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương.

. Đi vào thời đại CM tháng Tám với những chiến công rung chuyển.

+ Thời chống Mĩ: Góp mình vào chiến dịch Mùa xuân 1968 Mậu Thân.

- SH cùng với thành phố Huế chịu nhiều đau thương mất mát:

+ Sông Hương là dòng sông có bề dày lịch sử như một người con gái anh hùng, khi Tổ quốc gọi nó tự biết hiến đời mình làm một chiến công.

+Sông Hương là dòng sông của sử thi viết giữa màu cỏ lá xanh biếc.

→Sử thi mà trữ tình, bản hùng ca mà cũng là bản tình ca dịu dàng tươi mát. Đó là nét độc đáo của xứ Huế, của Sông Hương được tác giả khám phá và khắc hoạ từ góc độ lịch sử.

**\* Nhan đề: *Ai đã đặt tên cho dòng sông?***

Bài kí mở đầu và kết luận bằng một câu hỏi “*Ai đã đặt tên cho dòng sông*?”

- Mang nghĩa hỏi: Chính nội dung bài kí là câu trả lời, một câu trả lời dài như một bài kí ca ngợi vẻ đẹp, chất thơ của dòng sông có cái tên cũng rất đẹp và phù hợp với nó: Sông Hương.

- Mang tính chất biểu cảm:

+ Là cái cớ để nhà văn đi vào miêu tả, ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông Hương gắn với mảnh đất cố đô cổ kính tươi đẹp.

+ Thể hiện tình cảm ngỡ ngàng ngưỡng mộ, thái độ trân trọng ngợi ca của tác giả với dòng sông Hương, thành phố Huế thân yêu. Vì quá yêu mà bật thành câu hỏi ***“Ai đã đặt tên cho dòng sông?”***

**II. Hình tượng cái “tôi” của tác giả**

- Tình yêu thiết tha đến say đắm của tác giả đối với cảnh và người nơi xứ Huế.

- Phong cách viết kí của HPNT: Phóng túng, tài hoa, giàu thông tin văn hoá, địa lí, lịch sử và giàu chất trữ tình lãng mạn.

**C. Tổng kết**

**-** Nội dung:

+ Vẻ đẹp phong phú của sông Hương dưới nhiều góc độ và mối quan hệ của sông Hương với vẻ đẹp và văn hóa xứ Huế.

+ Cái tôi uyên bác, tài hoa và mê đắm của tác giả.

**-** Nghệ thuật:

+ Ngôn ngữ: phong phú, giàu hình ảnh, gợi cảm.

+ Hình ảnh: so sánh độc đáo bằng liên tưởng lãng mạn, đậm chất trữ tình.

+ Thủ pháp: nhân hóa ⭢ Sông Hương được cảm nhận như một sinh thể sống động (là người con gái dịu dáng đằm thắm với tất cả các cung bậc cảm xúc) ⭢ thuận lợi để đan cài những suy tưởng về văn hóa, lịch sử, về truyền thống con người và đất nước Việt Nam.

**VỢ CHỒNG A PHỦ**

 ***Tô Hoài***

**A. Giới thiệu**

**I. Tác giả**

**-** Sinh 1920, tên thật là Nguyễn Sen. Quê Hà Đông (Hà Nội nay).

- Là nhà văn tiêu biểu của xu hướng hiện thực trước Cách mạng tháng Tám.

- Tô Hoài là nhà văn có sức sáng tạo dồi dào. Qua hơn 60 mươi năm cầm bút, ông đã cho ra đời trên 160 tác phẩm thuộc nhiều đề tài và thể loại khác nhau (Truyện ngắn, Tiểu thuyết, kí, tự truyện, tiểu luận…)

 - TH là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của nền văn học hiện đại VN. Sáng tác của ông thể hiện vốn hiểu biết phong phú về nhiều lĩnh vực đời sống, đặc biệt là phong tục và sinh hoạt đời thường. Nghệ thuật văn xuôi của TH có nhiều đặc sắc: lối kể chuyện tự nhiên, sinh động, cách miêu tả giàu chất tạo hình, ngôn ngữ phong phú và đậm tính khẩu ngữ.

- Tp chính: *Dế mèn phiêu lưu kí, O chuột, Truyện Tây Bắc, Miền Tây, Cát bụi chân ai, Chiều chiều*…

- Được tặng giải thưởng HCM về VHNT (1996).

**II. Tác phẩm**

**1. Xuất xứ**:

- *Vợ chồng A Phủ* (1952) in trong tập *Truyện Tây Bắc*.

- Được tặng giải Nhất (Đồng hạng với Đất nước đứng lên của Nguyên Ngọc) – Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954-1955.

**2. Tóm tắt tác phẩm**

Mị là một cô gái Mèo xinh đẹp, yêu đời, thổi sáo hay, có nhiều người mê. Mị bị A Sử, con trai thống lí Pá Tra bắt về làm dâu để trừ món nợ cha mẹ Mị vay khi họ lấy nhau. Mang tiếng là con dâu nhà giàu nhưng thân phận Mị chẳng khác gì nô lệ, Mị phải làm việc quần quật hơn cả thân trâu ngựa, bị áp chế cả tinh thần lẫn thể xác. Ngày tết, A Sử không cho Mị đi chơi. Tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết gợi lên trong Mị khát khao tự do và hạnh phúc. Mị muốn đi chơi, Mị sửa soạn để đi chơi nhưng lại bị A Sử trói đứng vào cột.A Sử sau khi trói vợ đã sang làng khác chơi, gây sự và đã bị A Phủ trừng trị một trận đích đáng. A Phủ là một chàng trai mồ côi, khỏe mạnh, lao động giỏi, được nhiều cô gái mơ ước nhưng không thể lấy được vợ vì thân phận nghèo hèn . Vì đánh con quan, A Phủ bị bắt, bị xử phạt. A Phủ đã phải vay tiền của thống lí để nộp phạt cho hắn và trở thành kẻ ở trừ nợ cho nhà thống lí.Một hôm đi giữ bò, ngựa cho thống lí, để hổ bắt mất bò, anh bị thống lí trói đứng vào cột.Chứng kiến cảnh A Phủ bị trói chờ chết thoạt đầu Mị vẫn thản nhiên nhưng khi nhìn thấy nước mắt của anh, Mị động lòng thương xót quyết định cắt dây trói giải thoát cho A Phủ. A Phủ chạy, Mị cũng vụt chạy theo. Cả hai thoát khỏi Hồng Ngài.

 Hai người thành vợ chồng và trốn sang Phiềng sa. Quân pháp tràn tới, dân Phiềng Sa lại hoang mang lo sợ. A Châu, cán bộ Đảng tìm đến.A Phủ được giác ngộ, kết nghĩa anh em với A Châu và trở thành tiểu đội trưởng du kích cùng với Mị và đồng đội bảo vệ quê hương.

**B. Đọc - hiểu**

**1. Nhân vật Mị**

*a. Lai lịch*:

-Trẻ trung, xinh đẹp, tài hoa, yêu đời.

 - Siêng năng, hiếu thảo, khao khát tự do.

 - Được nhiều trai bản theo đuổi, có người yêu .

=> Lẽ ra sẽ được hưởng một cuộc sống êm đềm, hạnh phúc.

*b. Số phận*: -Bị bắt làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra. Vì món nợ truyền kiếp của cha mẹ, Mỵ trở thành con dâu gạt nợ, chịu kiếp sống nô lệ. Cuộc đời đầy cay đắng và tủi nhục.

+Bị bóc lột sức lao động, làm lụng như kiếp con trâu, con ngựa.

+Bị hành hạ, đánh đập, bị áp chế cả về tinh thần lẫn thể xác.

-Mị sống lầm lũi trong xó nhà, cô đơn, lặng lẽ ( lùi lũi như con rùa trong xó cửa, mặt cúi xuống, buồn rười rượi, không buồn nói năng, căn buồng Mị ở như ngục thất tinh thần giam hãm đời Mị) .

- Cái khổ, cái nhục đã khiến Mị tê liệt mọi cảm giác, mất tinh thần phản kháng, cam phận.

*c. Sức sống tiềm tàng*: Bị áp chế đến tận cùng, tưởng chừng như tê liệt cả tinh thần, song sâu thẳm trong tâm hồn Mị vẫn tiềm tàng một sức sống mãnh liệt, chờ có dịp thì trỗi dậy.

\* Lần thứ nhất: Ý định ăn lá ngón tự tử

Không chấp nhận thực tại: trốn về nhà, đêm nào cũng khóc, định tự tử bằng lá ngón. Đau đớn, phản kháng nhưng thương cha (hiếu thảo) đành ném lá ngón trở lại nhà thống lí Pá Tra sống tiếp kiếp nô lệ tủi nhục. Sống lâu trong cái khổ, tâm hồn Mị dần trơ lì cảm xúc .

\*Lần thứ hai: Trong đêm tình mùa xuân

- Tác nhân khiến tâm hồn Mị hồi sinh:

 + Không khí của đất trời vào xuân, tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết -> tác động vào tâm hồn.

+Men rượu nồng -> tác động vào thể xác.

- Diễn biến tâm lý của Mị trong đêm tình mùa xuân:

+Lắng nghe tiếng sáo, bồi hồi , Mị nhẩm thầm theo tiếng sáo.

+Uống rượu, say lịm người, nhìn mọi người nhảy đồng, hát nhưng lòng thì đang sống về ngày trước, nhớ lại kỉ niệm êm đềm thời con gái hạnh phúc.

 +Mị thấy phơi phới trở lại, trong lòng đột nhiên vui sướng như những đêm tết ngày trước, cảm nhận được tuổi trẻ của mình.

+Ý thức về cảnh ngộ hiện tại, không chấp nhận thực tại đó, muốn giải thoát bằng nắm lá ngón.

+Đầu Mị rập rờn tiếng sáo, Mị xắn mỡ bỏ vào đĩa đèn, thắp sáng căn buồng như muốn xua đi bóng tối phủ trùm đời mình, muốn thắp sáng phần đời còn lại.

+Sửa soạn đi chơi: quấn tóc, với lấy cái váy hoa - hành động nhanh, dứt khoát ngay trước mặt A Sử

+Khi bị A Sử trói đứng, vẫn thả hồn theo tiếng sáo, vùng bước đi - thể xác bị cầm tù nhưng tâm hồn lại tự do.

+Nhớ lại chuyện có người từng bị trói đứng như mình đã chết, Mị sợ và cựa quậy xem mình còn sống hay đã chết. Sợ chết là biểu hiện của ham sống.

+ Sự hồi sinh của tâm hồn nhân vật được tác giả miêu tả sâu sắc, tinh tế và phù hợp.

\*Lần thứ ba: Đêm cắt dây trói giải thoát cho A Phủ và chính mình

 Diễn biến tâm lí của Mị trước và sau khi cắt dây trói giải thoát cho A Phủ và cho chính:

+Thoạt đầu: thấy A Phủ bị trói chờ chết, Mị vẫn thản nhiên, bởi đời Mị đã chịu quá nhiều đau khổ.

+ Khi nhìn thấy dòng nước mắt lấp lánh bò trên hõm má xám đen của A Phủ, Mị đã nhớ lại cảnh bị A Sử trói năm trước, động lòng trắc ẩn cảm thương cho người cùng số phận, nhận chân kẻ thù, ý thức về thân phận, cuộc sống của mình. Từ chỗ thương mình đến thương người, Mị cắt dây trói giải thoát cho A Phủ

+AP thoát rồi, Mị sợ chết, lòng ham sống trỗi dậy, Mị vùng chạy theo tự giải thoát cho chính mình. Cùng một lúc, Mị chiến thắng cả thần quyền lẫn cường quyền.

\* Qua nhân vật Mị:

-Thấy được thân phận của người phụ nữ miền núi dưới ách thống trị phong kiến.

-Khẳng định sức sống tiềm tàng, khát vọng tình yêu, hạnh phúc, khát vọng tự do của người dân miền núi.

-Nhân vật Mị chính là số phận của dân tộc Mèo trong quá trình lột xác vươn lên.

- NT xây dựng nhân vật: miêu tả nội tâm.

**2. Nhân vật A Phủ**

- Cảnh ngộ: Bất hạnh: mồ côi, không còn người thân thích.

- Thân phận nghèo hèn bị áp bức, bóc lột. Nghèo khổ, không lấy được vợ.

- Tính cách: Mạnh mẽ, gan góc, là đứa con của núi rừng tự do nhưng vẫn không thoát khỏi số phận tôi đòi.

+ Không sợ phải đối mặt với bọn con quan, trị chúng đích đáng: Đánh A Sử bằng một trận đòn hào hứng.

+ Cam phận nô lệ:

 . Bị trói, bị đánh đập trở thành nô lệ từ hôm phạt vạ.

 . Mất bò, tự chôn cột, lấy dây mây trói mình thế mạng.

Có hai con người đối lập nhau trong một con người A Phủ duy nhất và thống nhất (cường tráng, bất khuất ><Cam phận tôi đòi). Hai mặt đối lập này đan xen vào nhau, vừa thống nhất, vừa xung đột là nguồn gốc làm nên sự vận động và phát triển nội tại của hình tượng A Phủ.

 Nhân vật A Phủ vừa thống nhất vừa bổ sung cho hình ảnh của Mị để thấy sự vươn lên của người dân miền núi.

 **\*** Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo:

- Giá trị hiện thực:

 +Phản ánh hiện thực cuộc sống tủi nhục đắng cay của người dân lao động ở vùng caoTây Bắc.

 +Lên án những thế lực phong kiến, thực dân áp bức tàn bạo thông qua hình ảnh của cha con thống lý Pá Tra: cho vay nặng lãi, thực hiện chế độ nô lệ, lợi dụng thần quyền.

- Giá trị nhân đạo:

 + Xót thương, cảm thông với số phận đau khổ của người nông dân nghèo miền núi dưới ách thống trị của bọn chúa đất.

 +Phát hiện và trân trọng phẩm chất tốt đẹp của con người, nhất là tình yêu tự do và sức sống tiềm tàng mãnh liệt của người dân miền nui Tây Bắc.

+Mở ra cho nhân vật một lối thoát, đưa họ đến với cách mạng, với một cuộc sống tươi sáng hơn.

 +Lên án những thế lực tàn bạo đã chà đạp lên con người.

**C. Tổng kết**

- Nội dung:

**- N**ghệ thuật:

+Khắc hoạ tính cách nhân vật sinh động, có cá tính. Miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc, tinh tế, phù hợp.

+Tả cảnh thiên nhiên, sinh hoạt, phong tục tập quán vùng cao chân thực, sống động, đặc sắc.

+Ngôn ngữ giàu chất thơ, tạo hình, giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế, đượm phong vị dân tộc.

**VỢ NHẶT**

***Kim Lân***

**A. Giới thiệu**

**I. Tác giả**:

- Kim Lân (1920-2007) tên khai sinh là NguyễnVăn Tài, quê Bắc Ninh.

- Là nhà văn chuyên viết truyện ngắn về người nông dân làng quê Việt Nam. Thế giới nghệ thuật của ông thường là khung cảnh nông thôn và người nông dân.

-Kim Lân “một lòng một dạ đi về với đất, với người với thuần hậu nguyên thủy của cuộc sống nông thôn”.

-Tác phẩm tiêu biểu: *Nên vợ nên chồng*(1955), *Con chó xấu xí*(1962)

- Nhận giải thưởng Nhà nước về VHNT (2001).

**II. Tác phẩm:**

**1. Hoàn cảnh sáng tác**: *Vợ nhặt* là truyện ngắn xuất sắc nhất của Kim Lân in trong tập truyện *Con chó xấu xí* (1962).

-Tiền thân của truyện ngắn này là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư* được viết ngay sau CMTT 1945 nhưng dang dở và bị mất bản thảo. Sau khi hoà bình lập lại (1954), Kim Lân dựa vào một phần cốt truyện cũ để viết truyện ngắn này.

**2. Tóm tắt tác phẩm**

Tràng là một thanh niên xấu xí, ế vợ. Hằng ngày, Tràng kéo xe thóc Liên đoàn lên tỉnh và có quen một cô gái. Cô ta đã theo Tràng về nhà làm vợ sau một bữa ăn bánh đúc.Tràng đưa người vợ nhặt về nhà làm cho những người trong xóm bàn tán xôn xao, bà cụ Tứ ngạc nhiên, không hiểu. Khi bà đã hiểu ra, bà vùa xót thương vừa lo lắng, mừng vui và khuyên các con ăn ở hoà thuận với nhau.

Sáng hôm sau, Tràng nhìn nhà cửa, sân vườn được quét dọn sạch sẽ, ngăn nắp. Tràng cảm thấy thương yêu, gắn bó với cái nhà, phải có bổn phận với gia đình và muốn dự phần tu sửa lại căn nhà.

 Bữa ăn ngày đói thật thảm hại. Tuy vậy, cả nhà ăn thật ngon lành, vui vẻ. Bà cụ Tứ nói toàn chuyện vui, chuyện sung sướng về sau. Ngoài đình bỗng dội lên một hồi trống thúc thuế dồn dập, vội vã. Nghe vợ kể về Việt Minh, Tràng nghĩ đến những người nghèo đói đi phá kho thóc và lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới.

**B. Đọc-hiểu**

**I. Ý nghĩa nhan đề tác phẩm**

- Nhan đề thâu tóm giá trị nội dung tư tưởng TP.

- Từ nhan đề, thấy được thân phận con người bị rẻ rúng như cái rơm, cái rác có thể nhặt ở bất kì đâu, bất kì lúc nào. Người ta hỏi vợ, cưới vợ còn ở đây Tràng lại nhặt vợ. Đây thực chất là sự khốn cùng của hoàn cảnh.

- Trong hoàn cảnh cái đói, cái chết đang bủa vây cuộc sống của mình mà con người vẫn hướng về sự sống, khát khao tổ ấm gia đình và yêu thương đùm bọc lẫn nhau.

**II. Tình huống truyện**

- Tình huống truyện diễn ra trong một khoảnh khắc đặc biệt: nạn đói khủng khiếp năm 1945 đang đe dọa cuộc sống từng con người trong mỗi gia đình, làng xóm (cái đói, cái chết tràn khắp mọi nơi tưởng chừng có thể tiêu diệt ý chí sống của con người: những đứa trẻ không buồn nhúc nhích, người sống như những bóng ma, xanh xám; người chết như ngả rạ, thây nằm còng queo bên lề đường; không gian sặc mùi xác chết, quạ kêu thê thiết, tiếng khóc hờ, khóc tỉ tê trong đêm…)

- Trên nền bức tranh thảm đạm đó, Tràng lại dẫn một người đàn bà lạ về nhà. Tình huống Tràng nhặt được vợ đã làm cho mọi người vô cùng ngạc nhiên:Trẻ con, người lớn, mẹ của Tràng và bản thân Tràng cũng không ngờ được, cứ ngỡ ngàng như không phải.

- Ai cũng ngạc nhiên vì:

 +Người như Tràng mà lấy được vợ (xấu trai, dở hơi, nghèo, dân ngụ cư).

+Thời buổi cái đói đang đe dọa mạng sống của con người, đến nuôi thân còn chẳng xg mà còn dám lấy vợ

-Nhưng, nếu không gặp tình cảnh này dễ gì Tràng có vợ.

=> Tình huống lạ, éo le, giàu kịch tính, rất độc đáo là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến diễn biến tâm trạng và hành động của các nhân vật. Qua tình huống độc đáo này, chủ đề của tác phẩm được bộc lộ.

**III. Hình tượng nhân vật**

**1. Nhân vật Tràng**

-Tràng là người lao động nghèo, tốt bụng:

+ Giữa lúc cái đói đang đe dọa mạng sống của chính mình, anh sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ.

+ Lúc đầu Tràng chỉ đùa, khi người phụ nữ ấy theo thật thì “chợn” nhưng rồi vẫn chậc lưỡi “kệ”. Anh đưa chị về trước hết là vì cưu mang người lúc khốn khó (thị rách tả tơi, đói đến mất cả thể diện)

- Tràng khát khao hạnh phúc và có ý thức xây dựng hạnh phúc:

+ Tràng “nhặt” người phụ nữ trước hết là vì thương người nhưng sâu xa hơn, anh cũng khát khao hạnh phúc, khát khao một tổ ấm gia đình. Bởi thế:

-Trên đường dẫn người phụ nữ về nhà, Tràng thích ý lắm, cái mặt cứ vênh lên tự đắc với mình, cười nhiều với đủ các kiểu cười khác nhau.

-Giới thiệu vợ với mẹ một cách hãnh diện và đầy tình cảm: “Kìa, nhà tôi nó chào u”.

- Buổi sáng đầu tiên sau khi có vợ: xúc động, phấn chấn, cảm thấy yêu thương và gắn bó với gia đình hơn, muốn làm việc gì đó để tu bổ lại căn nhà, có ý thức về bổn phận, cảm thấy mình nên người hơn .

\*Niềm vui và sự cảm nhận hạnh phúc đơn sơ, nhỏ bé của Tràng trong tình cảnh giữa sự sống và cái chết cách nhau bằng một ranh giới mong manh tô đậm chất nhân văn sâu sắc: Cuộc sống dù có bi thảm đến đâu cũng không thể dập tắt được niềm khát khao chính đáng của con người. Đó là niềm khát khao hạnh phúc, khát khao một tổ ấm gia đình, khát khao được sống như một con người, được nên người.

**2. Bà cụ Tứ**

-Là một người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con, nhân hậu, lạc quan, có niềm tin vào cuộc sống.

\* Diễn biến tâm lí của bà trong quá trình nhận dâu được miêu tả tinh tế, phù hợp.

- Thoạt đầu, bà ngạc nhiên, đứng sững lại, hấp háy cặp mắt cho đỡ nhoèn, quay nhìn Tràng không hiểu.

- Băn khoăn ngồi xuống khi nghe người đàn bà chào.

- Khi hiểu ra, trong bà chồng chéo những cảm xúc:

+Xót thương cho số kiếp đứa con mình.

+Tủi thân vì chưa làm tròn bổn phận của một người mẹ.

+Lo âu bởi biết chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không.

+Cảm thông và xót thương cho người phụ nữ tội nghiệp.

+Mừng vì con trai lấy được vợ.

=>Bà chấp nhận nàng dâu với tất cả tấm lòng độ lượng, nhân hậu, thể hiện tình thương yêu chân thành, đằm thắm đối với con dâu. Vượt lên trên tình thương ấy là tình thương yêu giai cấp của những người nghèo khổ.

- Sau khi nhận dâu, bà tin tưởng vào cuộc sống, vào tương lai, an ủi, động viên con, cầu mong cho con thuận hòa, no đủ:

+Nói đến chuyện nuôi gà, chuyện sẽ có một đàn gà nay mai.Bà bày cho con cách làm ăn, tin vào cuộc sống.

+Nói đến triết lí "ai giàu ba họ ai khó ba đời" để động viên con về một viễn cảnh thoát đói nghèo. Đó cũng là triết lí sống sâu sắc, lạc quan của người bình dân.

+Thu dọn, quét tước nhà cửa, sân vườn mong mang lại một sinh khí mới.

- Mừng con dâu mới bằng một nồi “chè khoán”:

+ Hình ảnh nồi cháo cám (chè khoán) mừng nàng dâu mới là bằng chứng của một tấm lòng giàu tình yêu thương trong một cảnh đời ngặt nghèo, nghiệt ngã. Đây là chi tiết não lòng, gây ấn tượng mạnh, xúc động lòng người.

 + Ý thức về bổn phận, tình thương và niềm tin vào cuộc sống đã tạo nên vẻ đẹp của nhân vật cụ Tứ.

**3. Người phụ nữ không tên: (người vợ nhặt)**

- Hiện thân của sự đói rách: Áo quần tả tơi như tổ đỉa, ngực lép, gầy sọp, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt …

- Tập hợp “không”: Không gốc gác quê hương, họ hàng, không nhà cửa, không có nổi cái tên, không duy trì nổi lòng tự trọng để phải theo không Tràng chỉ sau bốn bát bánh đúc.

- Chấp nhận theo không một anh chàng xấu xí, nghèo khổ, chưa hiểu rõ như thế nào về tính tình, gia cảnh. Bởi lẽ:

+ Trước hết, là tìm chốn nương thân qua mùa đói kém.

+ Sâu xa hơn, cũng như Tràng, chị khát khao một mái ấm gia đình, khát khao hạnh phúc:

. Theo Tràng trong tâm trạng ngượng ngùng.

.Sáng hôm sau: cuộc sống gia đình biến đổi thị thành "người đàn bà hiền hậu, đúng mực, không có vẻ gì chao chát chỏng lỏn".Cùng mẹ chồng quét tước, thu dọn nhà cửa, sân vườn mong mang lại một sinh khí mới.

.Khi nhận chén cháo cám của mẹ chồng mừng nàng dâu mới, mắt chị tối lại nhưng vẫn điềm nhiên và chén cháo vào miệng . Chị chấp nhận sự đói rách trước mắt, chị đã cảm nhận được sự đền bù của đời dành cho mình: Không tránh được đói rách nhưng chị đã có được tình thân, tình thương, có được ý thức về bổn phận đối với người khác. Đấy là cái cao hơn cả mọi miếng cơm manh áo ở đời. Nỗi tủi nhục được thay thế bằng hạnh phúc gia đình đơn sơ, bé nhỏ.

**C. Tổng kết**

- Nội dung: Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo mới mẻ:

- Giá trị hiện thực: tố cáo tội ác diệt chủng của bọn thực dân, phát xít qua bức tranh xám xịt về thảm cảnh chết đói 1945.

- Giá trị nhân đạo:

 +Xót xa, cảm thông với nỗi thống khổ của con người trong tình cảnh bi đát.

 + Khám phá, trân trọng khát vọng hạnh phúc, khát vọng sống của con người. Niềm tin sâu sắc vào phẩm giá của họ.

 .Trong hoàn cảnh khắc nghiệt, cái đói, cái chết đe dọa, người dân lao động vẫn hướng về sự sống và khát khao tổ ấm gia đình, khát khao được sống như một con người, được nên người.

 .Trong cái đói, họ vẫn cưu mang, đùm bọc, chia sẻ miếng cơm manh áo cho nhau.

+Niềm tin vào sự đổi đời của những con người nghèo khổ, bất hạnh trong xã hội cũ.

+Lên án tội ác diệt chủng của bọn thực dân Pháp và phát xít Nhật.

- Nghệ thuật:

+ Nghệ thuật tạo tình huống truyện đầy sáng tạo, độc đáo.

+ Cách kể chuyện tự nhiên, lôi cuốn, hấp dẫn.

+ Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sâu sắc.

+ Ngôn ngữ nhuần nhị, tự nhiên.

**RỪNG XÀ NU (TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN)**

***Nguyễn Trung Thành***

**A. Giới thiệu**

**I. Tác giả**

- Nguyễn Trung Thành, bút danh khác là Nguyên Ngọc. Sinh năm 1932.Quê Quảng Nam.

- Là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến, gắn bó mật thiết với chiến trường Tây Nguyên. Những thành công lớn nhất trong sự nghiệp sáng tác của ông cũng gắn với mảnh đất này.

- Đặc điểm sáng tác : mang đậm tính sử thi - phản ánh những nhân vật anh hùng tiêu biểu cho cộng đồng, những vấn đề lớn của cộng đồng .

- Tác phẩm chính: *Đất nước đứng lên, Rẻo cao, Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc, Đất Quảng*

**II. Tác phẩm *Rừng xà nu***

**1. Xuất xứ**

- *Rừng xà nu* được viết năm 1965- thời điểm đế quốc Mĩ bắt đầu đổ quân ào ạt vào miền Nam, cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước ở vào thời kì ác liệt.

- Tác phẩm đăng trên tạp chí *Văn nghệ Quân giải phóng Trung Trung Bộ*, sau được in trong tập *Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc.*

**2. Tóm tắt tác phẩm**

Sơ đồ tóm tắt

|  |
| --- |
| Buổi chiều: Tác giả kể  RỪNG XÀ NU - TNÚ VỀ THĂM LÀNG SAU BA NĂM ĐI GIẢI PHÓNG QUÂN |
| ĐÊM HỌP LÀNG TẠI NHÀ CỤ MẾT | CỤ MẾT KỂ LẠI CUỘC ĐỜI TNÚ VÀ CUỘC ĐỒNG KHỞI CHO LŨ LÀNG NGHE+ Tnú và Mai làm liên lạc cho anh Quyết, được anh Quyết dạy chữ.+ Tnú bị bắt, bị tù ba năm rồi vượt ngục trở về làng chuẩn bị kháng chiến.+ Tnú lấy Mai, sinh được đứa con trai. Giặc kéo đến bắt mẹ con Mai tra tấn. Tnú xông ra cứu vợ con và bị giặc bắt đốt cháy mười đầu ngón tay. Cụ Mết chỉ huy dân làng giết giặc, cứu Tnú. Từ đó, làng Xô Man trở thành làng kháng chiến.+ Tnú tham gia Giải phóng quân. |
| Sáng hôm sau:  TNÚ VỀ LẠI ĐƠN VỊ - CỤ MẾT VÀ DÍT ĐƯA TIỄN – RỪNG XÀ NUTác giả kể |

**3. Ý nghĩa nhan đề tác phẩm**

- Hình ảnh rừng xà nu là linh hồn của tác phẩm, là cảm hứng chủ đạo, là dụng ý nghệ thuật của tác giả.

- Rừng xà nu gắn bó mật thiết với cuộc sống tinh thần, vật chất của làng Xô Man.

- Rừng xà nu là bức tranh thiên nhiên hùng vĩ đầy sức sống, khao khát ánh sáng mặt trời, luôn sinh sôi nảy nở, bất chấp sự hủy diệt của đạn bom.

- Rừng xà nu là biểu tượng cho sức sống mãnh liệt, niềm khao khát tự do và tinh thần bất khuất kiên cường của người dân Tây Nguyên nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung.khua hunge

**B. Đọc-hiểu**

**I. Hình tượng rừng xà nu**

- *Chịu nhiều đau thương:* Bị tàn phá khốc liệt:

+Làng ở trong tầm đại bác của giặc, đạn bắn đã thành lệ vào nhiều thời điểm trong ngày.

+Cả khu rừng hàng vạn cây không có cây nào là không bị thương.

+Cây lớn: bị chặt đứt ngang nửa thân mình đổ ào ào như một trận bão, chỗ vết thương, nhựa ứa ra…như cục máu lớn (Nhân hóa: rừng XN như 1 sinh thể có linh hồn).

+Cây con: đại bác chặt đứt làm đôi, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra,năm mười hôm thì cây chết.

- *Sức sống mãnh liệt, kiên cường trước sự hủy diệt của bom đạn kẻ thù*:

+Đạn đại bác không giết nổi chúng.Những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng.

+Cạnh một cây mới ngã gục, bốn, năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời.

+Phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng( khao khát ánh sáng , tự do).

+Có những cây vượt lên được, cành lá sum suê…

+Ưỡn tấm ngực ra che chở cho dân làng.

+Đạn giặc không giết nổi chúng.Đồi xà nu nối tiếp nhau tới chân trời.

- *Gắn bó mật thiết với đời sống của dân làng Xô Man*: khói xà nu xông bảng, lửa xà nu trong mỗi bếp, đuốc xà nu soi sáng rừng đêm đồng khởi …

- *Hình tượng xà nu mở đầu và khép lại, xuyên suốt toàn bộ tác phẩm* là dụng ý nghệ thuật của nhà văn. Xà nu vừa mang ý nghĩa tả thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. Xà nu có mặt trong đời sống hằng ngày, trong lịch sử, trong truyền thống của dân làng Xô man. Xà nu cũng có mặt hầu như ở tất cả những sự kiện trọng đạicủa làng. Xà nu được miêu tả trong sự ứng chiếu với con người và ngược lại. Xà nu thực sự là một nhân vật có linh hồn. Nó là biểu tượng toàn diện cho nỗi đau, phẩm chất, sức mạnh của dân làng Xô man. khua hunge

**II. Hình tượng nhân vật Tnú:**

- *Gan góc, dũng cảm, bất khuất: baico, sauye*

+ Thuở nhỏ: Tiếp tế lương thực cho cán bộ, làm liên lạc, xẻ rừng, vượt thác, thích nơi hiểm nguy,bị giặc bắt thì nuốt thư, bị tù thì vượt ngục, học chữ thua Mai thì đập đầu tự trừng phạt mình

+ Trưởng thành:

. Chỉ huy thanh niên, đội du kích lấy đá mài rựa, giáo, mác chống lại kẻ thù.

. Bị giặc đốt mười ngón tay Tnú không thèm kêu van.

- *Giàu lòng yêu thương:*

 +Đối với quê hương: Ba năm đi lực lượng trở về làng nghe âm thanh tiếng chày, đến con nước lớn đầu làng…chân vấp , tim đập bồi hồi, xúc động nhớ từng kỉ niệm, ghi nhớ hình ảnh rừng xà nu.

 + Đối với gia đình: Tình cảm sâu nặng.

. Xé tấm giồ làm địu cho con.

. Đau đớn khi chứng kiến cảnh vợ con bị giặc tra tấn dã man(bứt đứt hàng chục trái vả, mắt như hai cục lửa lớn).

.Tay không nhảy xổ ra giữa lũ giặc,che chở cho vợ con.

*- Biết vượt lên bi kịch cá nhân*: Vợ con bị giặc sát hại, bản thân bị giặc hủy hoại mười đầu ngón tay -> đau đớn cả thể xác lẫn tinh thần nhưng Tnú vẫn đứng lên cầm vũ khí chiến đấu, trừng trị kẻ thù, bảo vệ quê hương.

(Bàn tay Tnú: yêu thương - đau đớn - trả thù)

- *Trung thành với cách mạng, có tính kỉ luật cao*:

+Quyết học chữ thay anh Quyết làm cán bộ, lãnh đạo phong trào cách mạng của quê hương.

+Bị tra tấn, không khai báo, không kêu van.

+Nghỉ đúng phép dù tình cảm quê hương sâu nặng, quyến luyến.

\* Chân lí được đúc rút từ câu chuyện bi tráng củaTnú

- Tnú không cứu được vợ con mình.

- Bản thân bị giặc bắt , trói chặt bằng dây rừng và đốt tay bằng nhựa xà nu→Tnú cường tráng, mạnh mẽ, gan góc, có nhiều phẩm chất nhưng vẫn không cứu được vợ con, không bảo vệ được tình yêu và không cứu được chính đời mình bởi anh chỉ có tay không.

→Chân lí tất yếu: “Chúng nó đã cầm súng , mình phải cầm giáo”. Chỉ có dùng bạo lực cách mạng mới có thể đè bẹp được bạo lực phản cách mạng. Bởi khi chúng ta cầm súng đứng lên chống lại súng đạn của kẻ thù thì mọi thứ đều thay đổi (lửa sẽ tắt trên tay Tnú, lửa soi xác giặc ngổn ngang, lửa cháy sáng rừng đêm trong đêm đồng khởi).

\* Mối quan hệ giữa hai hình tượng RXN và Tnú: Gắn bó khắng khít, bổ sung cho nhau để cùng hoàn chỉnh. Rừng xà nu sẽ không thể trải mãi tới chân trời trong màu xanh bất diệt khi con người còn chưa thấm thía bài học“Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!”

*Tóm lại: Tnú là nhân vật trung tâm được xây dựng bằng bút pháp giàu chất sử thi. Tnú*

*tiêu biểu cho số phận và con đường đấu tranh của dân tộc Tây Nguyên. Là một trong những*

*hình tượng thành công của NTT và văn học chống Mỹ cứu nước.*

**C. Tổng kết**

**-** Nội dung:

+ Ca ngợi phẩm chất đẹp dẽ của những người con Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mĩ.

+ Khẳng định chân lý thời đại: theo CM là tất yếu, lấy bạo lực cách mạng đập tan bạo lực phản CM để giải phóng quê hương.

- Nghệ thuật:

+ Tác phẩm mang đậm tính sử thi.

+ Tác giả đã chạm khắc được vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên và nhân vật anh hùng mang dấu ấn thời đại, phong cách Tây Nguyên .

+ Giọng điệu sử thi trang nghiêm, chất thơ hùng tráng vút lên từ thiên nhiên và con người miền núi Tây Nguyên đã tạo nên vẻ đẹp độc đáo của tác phẩm.

**CHUYÊN ĐỀ 5: VĂN HỌC VIỆT NAM SAU 1975**

**CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA**

***Nguyễn Minh Châu***

**A. Giới thiệu**

**I. Tác giả**

- Xuất thân: gia đình nông dân ở Quỳnh Lưu, Nghệ An, trong một làng chài nghèo.

- Nhà văn Quân đội.

- Luôn trăn trở về số phận nhân dân và trách nhiệm của nhà văn.

- Cây bút tiên phong của văn học VN thời kì đổi mới.

- Giải thưởng HCM về VHNT.

**I. Tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa***

- Mang đậm phong cách tự sự-triết lí.

- Tác phẩm tiêu biểu của thời kì đổi mới.

**B. Đọc - hiểu**

- Trần thuật chủ yếu từ Phùng, một nghệ sĩ nhiếp ảnh kể lại chuyến đi thực tế của mình.

- Tác dụng: lối kể tự nhiên, chân thực, nhân vật dễ dàng bộc lộ những phát ngộ của mình.

**1. Sự phát hiện của Phùng, người nghệ sĩ nhiếp ảnh**

*a****. Phát hiện thứ nhất***

- Bức tranh biển sáng mờ sương, pha hồng và hình ảnh chiếc thuyền lưới vó xa xa →vẻ đẹp toàn thiện, toàn bích.

- Chụp liên tiếp: dùng nghệ thuật để phản ánh, để ghi lại vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống.

- Người nghệ sĩ: Cảm thấy hạnh phúc, tâm hồn như được gột rửa→Tác động tích cực của cái đẹp đến con người: cái đẹp gắn liền với các thiện.

***b. Phát hiện thứ hai***

- Đến gần: đằng sau bức tranh toàn bích là sự thực cuộc đời: phũ phàng, trớ trêu.

+ người đàn bà xấu xí, mệt mỏi và cam chịu.

+ người đàn ông vũ phu, thô bạo.

+ người con để bảo vệ mẹ phải làm điều trái đạo lí.

→kinh ngạc, đau đớn, giận dữ, can thiệp.

*\*Phát ngộ*

+ Hãy cảnh giác, đừng để cái đẹp bên ngoài che mắt ta.

+ Bức tranh tuyệt bích về chiếc thuyền chỉ là tấm ảnh phản ánh bề mặt. Nghệ thuật không phải lúc nào cũng phản ánh được chân thực chiều sâu cuộc sống.

\*Nghệ thuật: tạo tình huống nghịch lí, bất ngờ để nhân vật phát hiện sự thực cuộc đời, sự thực về con người. Đó chính là tình huống nhận thức.

**2. Câu chuyện của người đàn bà làng chài**

- Được gọi lên hầu tòa, được khuyên bỏ chồng→từ chối, kể chuyện cuộc đời mình để lí giải lí do.

- Xuất thân: gia đình khá giả, xấu, không ai muốn lấy.

- Có mang với người con trai làng chài nghèo, hiền lành.

- Bị đánh đập thô bạo: nghèo, đẻ nhiều, điều kiện sống chật chội, tối tăm→bi kịch.

- Thái độ: chấp nhận, nín nhịn, xin được đem lên bờ đánh→nạn nhân của nạn bạo lực gia đình. Nhưng qua đó ta cũng thấy được bản chất nhẫn nhịn, đức hi sinh của người đàn bà hàng chài.

- Van xin: phạt tù cũng được, đừng bắt bỏ chồng:

+ Cần một người đàn ông để cùng nuôi đàn con: Lấy hạnh phúc của con làm hạnh phúc của mình.

+ Cũng có lúc vợ chồng con cái sống hoà thuận vui vẻ: chắt chiu, trân trọng hạnh phúc

+ Hiểu chồng, thông cảm và vị tha với chồng.

→người đàn bà ít học nhưng thấu tình đạt lí, giàu đức vị tha và sự hi sinh, luôn chắt chiu, nâng niu từng giọt hạnh phúc.

\*Phùng, Đẩu: những người lính căm ghét bất công.

- Cảm thông, căm giận, quyết tâm giải quyết.

- Khuyên li hôn vì cho rằng đó là giải pháp tốt nhất: nặng lí, giải quyết theo pháp luật.

- Nghe câu chuyện của người đan bà hành chài:

*→Phát ngộ*

+ Hiện thực không chỉ là cái bên ngoài, hiện thực còn là cái nằm sâu bên trong tâm hồn.

+ Cuộc sống, con người rất phức tạp, không thể giải quyết đơn giản theo lí lẽ, cần phải có một cái nhìn đa chiều để có thể thấu hiểu và giải quyết thấu đáo mọi chuyện.

\* Vấn đề bạo lực gia đình trong tác phẩm

- Người chồng:

+ Từ một cậu trai hiền lành thành người đàn ông thô bạo, tàn ác.

+ Thay đổi do hoàn cảnh sống quá khắc nghiệt: nặng nhọc, kiếm sống khó khăn, con đông, điều kiện sống chật chội.

+ Vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân của cuộc sống khó khăn, nghèo túng…

- Phác:

+ Bênh mẹ bằng cách đánh lại cha→bi kịch

+ Nhiễm thói bạo lực từ nhỏ→gia đình sẽ có ảnh hưởng quyết định đến việc hình thành nhân cách của trẻ.→Vừa cảm thông, thương xót nhưng cũng không hoàn toàn đồng tình: cái nhìn đa diện.

**3. Tấm ảnh được chọn trong bộ lịch năm ấy**

- Mỗi lần nhìn: + màu hồng của sương mai: cái đẹp của cuộc đời, của nghệ thuật

 + người đàn bà bước ra khỏi tấm ảnh: sự chân thật của cuộc đời

→Cần phải rút ngắn khoảng cách giữa nghệ thuật và cuộc đời.Nghệ thuật không thể tách rời, thoát li cuộc sống.

**C. Tổng kết:** Từ bức tranh nghệ thuật và sự thực cuộc đời, tác giả đưa ra bài học:

+ Cần phải có một cái nhìn đa diện, đa chiều, phát hiện bản chất thật sau vẻ bên ngoài của hiện tượng, để có thể có một cái nhìn thấu hiểu, để có thể có cách giải quyết thấu đáo mọi chuyện.

+ Nghệ thuật phải phản ánh chân thực cuộc đời

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật, tình huống bất ngờ, giàu hàm ý, ngôn ngữ chân thực khách quan, sinh động.

 **HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT (TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN)**

***Lưu Quang Vũ***

**A. Giới thiệu**

**I. Tác giả**

- Một tài năng đa dạng: làm thơ, sáng tác văn xuôi, vẽ tranh và soạn kịch.

- Kịch LQV là hiện tượng đặc biệt của sân khấu, kịch trường những năm 80 của thế kỷ XX.Ông là nhà viết kịch tài năng nhất của văn học VN hiện đại.

**I. Tác phẩm *Hồn TB da hàng thịt.***

***-*** Tác phẩm đặc sắc được xây dựng trên cơ sở cốt truyện dân gian, đề ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng và triết lí sâu sắc →kịch hiện đại

- Kịch VII cảnh.Đoạn trích thuộc cảnh cuối.

**B. Đọc - hiểu**

**I. Cuộc đối thoại giữa hồn TB và xác hàng thịt.**

***a. Độc thoại của hồn***

- Trước khi đối thoại với xác:

+ Không muốn sống như thế này, chán lắm rồi…

+ Bắt đầu sợ xác, muốn rời xa ngay tức khắc

→Chán chường, sợ hãi, khao khát được thoát ra mà không được: đau đớn, bế tắc. Đây chính là những lời độc thoại nội tâm nv: câu cảm thán ngắn, nhịp điệu dồn dập: thể hiện trạng thái căng thẳng, bế tắc.

***b. Cuộc đối thoại giữa hồn và xác***

- Mâu thuẫn: hồn TB >< xác

 ↓ ↓

cao khiết, thanh sạch dung tục, đui mù

yếu ớt, dựa nhờ đầy sức mạnh

→Bi kịch sống dựa nhờ, không được là mình, bên trong một đàng, bên ngoài nột nẻo.Hồn dần bị xác chi phối, dần trở nên tha hóa.

***\* Cuộc đấu tranh chống lại sự chi phối của xác***

- Hồn:

+ Mày không có tiếng nói, chỉ là xác thịt âm u, đui mù: phủ định sự tồn tại của xác.

+ Ra sức khẳng định hồn có một cuộc sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn.

- Xác ra sức khẳng định:

+Xác thịt có tiếng nói, hồn luôn bị sai khiến, có khi lấn át cả hồn:

. hồn cũng cảm thấy thèm muốn vợ anh hàng thịt.

. thèm ăn ngon

. đánh con tóe máu mồm→dẫn chứng không thể chối cãi

+ Xác khẳng định hồn và xác tuy hai mà một. Nhờ xác hồn có thể nhìn ngắm đất trời, làm lụng, quốc xới.

- Hồn: lí lẽ yếu ớt, kém thuyết phục

- Xác:giọng mỉa mai với những sự thật trần trụi và hiển nhiên khó bề chối cãi.

- Xác dỗ dành: cứ đổ tội cho xác, miễn là thỏa mãn những thèm khát của xác.

- Hồn không muốn những cũng chẳng có cách nào khác.

Như vậy trong cuộc đấu tranh này, phần thắng đã nghiêng về xác.

↔ Qua cuộc đối thoại ta thấy được ý đồ nghệ thuật của LQV:

+ Khắc đậm bi kịch của hồn TB: bi kịch sống dựa nhờ, không được là mình, bên trong một đàng, bên ngoài nột nẻo và bi kịch bị tha hóa.

+ Hồn được coi trọng, được đề cao. Cuộc đấu tranh chống lại sự sai khiến của xác là rất đáng trân trọng.

+ Thể xác cũng có tiếng nói riêng. Không thể quá xem thường thể xác và quá đề cao tâm hồn→quan điểm mới mẻ và hiện đại≠ quan niệm: phủ nhận thể xác đề cao tinh thần của dân gian.

***\*Bài học***

- Con người phải được sống là chính mình, chân thật, hòa hợp giữa thể xác và tâm hồn ≠ sống giả.

- Khi con người sống trong dung tục thì trước sau con người sẽ bị cái dung tục lấn át, tàn phá→đấu tranh để loại bỏ cái dung tục, cái xấu xa…

- Cần phải chú trọng chăm sóc cả phần xác lẫn phần hồn để con người có thể phát triển toàn diện.

**II. Cuộc đối thoại giữa hồn TB và những người thân**

***1. Với vợ***

- Bị kết án:

+ vô tình với bà con láng giềng.

+ phản bội lại tình nghĩa vợ chồng.

+ làm hư con cái.

→đau đớn, xấu hổ, cảm thấy có lỗi.

***2. Với cháu***

- Bị kết tội:

+ làm hỏng cây, làm hỏng diều→xấu, ác.

- Bị cấm: không được động vào cây, không được nhận là ông nội, cút đi.

→bị chối từ, bị phủ nhận, bị xua đuổi: đau đớn tột cùng.

*3.* ***Với con dâu***

- Không bị kết tội, được cảm thông.

- Chỉ ra thực tại:

+ Nhà ta sắp tan hoang ra cả.

+ Thầy đang mất mát, lệch lạc…

\* Bi kịch của TB: Ngày càng không phải là mình, làm khổ người thân, bị vợ, con, cháu kết tội; dần bị xa lánh ngay trong nhà mình. TB cảm thấy chán ghét ngay chính mình.

- Suy nghĩ, đấu tranh, quyết định: không cần…

**III. Cuộc đối thoại của hồn TB với Đế Thích.**

- Yêu cầu: được thoát khỏi xác hàng thịt →được chết.

- Lí do:

+*Tôi muốn được là tôi toàn vẹn* → được là chính mình, sống đúng là mình.

+ *Không phải sống mà là sống như thế nào*?: sống đúng đắn, sống tốt đẹp, sống hòa hợp giữa thể xác và tâm hồn, không vì được sống mà đánh đổi tất cả.

→Quyết định đau đớn thể hiện quan niệm sống đúng đắn, nhân văn, sâu sắc ≠ quan niệm của Đế Thích.

- Từ chối nhập vào xác cu Tị (lần hai):

+ Không muốn lặp lại cái sai trước.

+ Có những lỗi lầm đã sai là không sửa được, càng sửa càng sai. Nên sửa bằng cách làm một việc đúng.

+ Tình yêu, sự hi sinh→nhân cách bừng sáng

→Quyết tâm không lay chuyển, vẻ đẹp tâm hồn của con người trong cuộc đấu tranh chống lại thói dung tục, tầm thường, bảo vệ quyền được sống toàn vẹn, hợp lẽ tự nhiên, hoàn thiện nhân cách.

- Trả lại xác, hồn TB nhập vào cây cối, bên người thân mãi mãi→tồn tại bất tử trong cõi nhớ của người thân.

**C. Tổng kết**

- Khát vọng sống đúng là mình, sống trọn vẹn những giá trị mình vốn có.

- Cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người sống tự nhiên, hài hòa giữa thể xác và tâm hồn.

- Con người phải biết đấu tranh chống lại những dung tục, tầm thường để hoàn thiện nhân cách.

**MỘT SỐ ĐỀ THI THAM KHẢO**

**KỲ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA NĂM 2016**

**Môn thi: NGỮ VĂN**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:**

*Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói*

*Vầng trăng cao đêm cá lặn sao mờ*

*Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa*

*Óng tre ngà và mềm mại như tơ*

*Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát*

*Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh*

*Như gió nước không thể nào nắm bắt*

*Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh*

*Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy*

*Một tiếng vườn rợp bóng lá cành vươn*

*Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng suối*

*Tiếng heo may gợi nhớ những con đường*

*Một đảo nhỏ xa xôi ngoài biển rộng*

*Vẫn tiếng làng tiếng nước của riêng ta*

*Tiếng chẳng mất khi Loa Thành đã mất*

*Nàng Mị Châu quỳ xuống lạy cha già.*

*Tiếng thao thức lòng trai ôm ngọc sáng*

*Dưới cát vùi sóng dập chẳng hề nguôi*

*Tiếng tủi cực kẻ ăn cầu ngủ quán*

*Thành Nguyễn Du vằng vặc nỗi thương đời.*

(Trích ***Tiếng Việt*** – Lưu Quang Vũ, *Thơ Việt Nam* 1945 – 1985, NXB Giáo dục, 1985, tr.218)

**Câu 1**. Sự mượt mà và tinh tế của tiếng Việt được thể hiện ở những từ ngữ nào trong khổ thơ thứ nhất?

**Câu 2**. Kể tên hai biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ thứ hai và thứ ba.

**Câu 3**. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

**Câu 4**. Từ đoạn trích, anh/ chị hãy bày tỏ cảm nghĩ của mình về tiếng Việt. (Trình bày khoảng 7 đến 10 dòng)

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 5 đến câu 8:**

*“Cuộc sống riêng không biết gì hết ở bên kia ngưỡng cửa nhà mình là một cuộc sống nghèo nàn, dù nó có đầy đủ tiện nghi đến đâu đi nữa. Nó giống như một mảnh vườn được chăm sóc cẩn thận, đầy hoa thơm, sạch sẽ và gọn gàng. Mảnh vườn này có thể làm chủ nhân của nó êm ấm một thời gian dài, nhất là khi lớp rào bao quanh không còn làm họ vướng mắt nữa. Nhưng hễ có một cơn dông tố nổi lên là cây cối sẽ bị bật khỏi đất, hoa sẽ nát và mảnh vườn sẽ xấu xí hơn bất kì một nơi hoang dại nào. Con người không thể hạnh phúc với một hạnh phúc mong manh như thế. Con người cần một đại dương mênh mông bị bão táp làm nổi sóng nhưng rồi lại phẳng lì và trong sáng như trước. Số phận cảu những cái tuyệt đối cá nhân không bộc lộ ra khỏi bản thân, chẳng có gì đáng thèm muốn.”*

(Theo A. L. Ghéc-xen, *Ngữ văn 11*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, tr.31)

**Câu 5.**Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 6**. Vẻ bề ngoài đẹp đẽ của *“cuộc sống riêng không biết gì hết ở bên kia ngưỡng cửa nhà mình”* được thể hiện rõ nhất qua hình ảnh so sánh nào?

**Câu 7**. Tại sao tác giả cho rằng: *“Số phận của những cái tuyệt đối cá nhân, không bộc lộ ra khỏi bản thân, chẳng có gì đáng thèm muốn”*?

**Câu 8**. Anh/ Chị suy nghĩ như thế nào về cuộc sống của con người khi thoát ra khỏi *“cái tuyệt đối cá nhân”*? (Trình bày khoảng 7 đến 10 dòng)

**II. PHẦN LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 (3,0 điểm)**

*Sự hèn nhát khiến con người tự đánh mất mình, còn dũng khí lại giúp họ được là chính mình.*

Anh/ Chị hãy viết bài văn (khoảng 600 chữ) bàn luận về ý kiến trên.

**Câu 2 (4,0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *Trong truyện ngắn****Vợ nhặt****, nhà văn Kim Lân đã xây dựng được một tình huốngbất thường để nói lên khát vọng bình thường mà chính đáng của con người.*

Từ việc phân tích tình huống truyện của tác phẩm ***Vợ nhặt***, anh/ chị hãy bình luận ý kiến trên.

Hết





